**BÀI 4: KHÁM PHÁ VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG**

*(12 tiết +1 tiết trả bài)*

*Đọc và THTV: 8 tiết, Viết 3 tiết, Nói và nghe 1 tiết)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4: Khám phá vẻ đẹp văn chương** | 12 t |
| **ĐỌC** | 8 |
| *-* Đọc VB1: “*Người con gái Nam Xương” – một bi kịch của con người* (Nguyễn Đăng Na)  - Thực hành tiếng Việt: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp  - Đọc VB2: *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi* (Trần Văn Toàn)  - Thực hành tiếng Việt: Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu.  - Đọc VB3: *Ngày xưa* (Vũ Cao) | 2  1  2  1  2 |
| **VIẾT:** Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện). | 3 |
| **NÓI VÀ NGHE**: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (*Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*) | 1 |
| **CỦNG CỐ MỞ RỘNG**  **THỰC HÀNH ĐỌC:** “*Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”, một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường* (Nguyễn Khắc Phi) |  |

A.MỤC TIÊU BÀI HỌC

*1. Năng lực*

Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học:

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học; hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; biết cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp; biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

- Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó; có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn VB của người khác.

- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

*2. Phẩm chất*:Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn.

B.THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video…

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, máy tính

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

**1. Thao tác 1: Giới thiệu bài học**

**\*Cách 1: PP trò chơi**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi: Người ấy là ai?**

**- Yêu cầu:** Mỗi dãy là 01 đội.

+ Mỗi đội cử 01 HS lên bốc thăm gói từ khóa (tên các tác giả văn học đã được học).

+ Các HS bên dưới chỉ được quyền đưa ra **03** câu hỏi để hỏi bạn đại diện. (**Dạng câu hỏi: Đúng hay sai)**

Bạn đại diện chỉ được trả lời **Đúng**  hoặc **Sai** (không được bật mí gì thêm, nếu không sẽ bị phạm luật).

+ Sau 03 câu hỏi, các bạn phía dưới phải đưa ra tên tác giả mà nhóm mình bốc thăm được.

Tìm ra đúng tên tác giả sẽ được **10đ/ lần bốc thăm**

+ Mỗi đội sẽ được bốc thăm **2 lần.**

**Gói từ khóa mà GV có thể thử tài HS:**

|  |
| --- |
| Nguyễn Du, Nguyễn Dữ, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Đình Chiểu |

**Ví dụ:** Từ khóa **“Nguyễn Du”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi phía dưới** | **Câu trả lời của bạn đại diện** |
| 1. Đó là tác giả của truyện *Lục Vân Tiên*. Đúng hay sai? | Sai |
| 2. Đó là tác giả nam. Đúng hay sai? | Đúng |
| 3. Đó là tác giả của Truyện Kiều. Đúng hay sai? | Đúng |

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia trò chơi.

- GV quan sát, hỗ trợ góp ý.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4:** **Kết luận**, **nhận định**

**\*Cách 2: PP vấn đáp + Kĩ thuật chia sẻ 01 phút**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*? Em hãy chia sẻ về một vẻ đẹp trong tác phẩm văn học mà em ấn tượng*.

(Gơi ý: HS có thể chia sẻ về vẻ đẹp của một câu thơ/ vẻ đẹp của một hình ảnh thiên nhiên hoặc con người trong 1 tác phẩm văn học).

? *Ở các lớp dưới, em đã được học những văn bản nghị luận văn học nào? Hãy chia sẻ về điều em thu nhận được từ việc đọc một trong những văn bản đó.*

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS chia sẻ

- GV động viên, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4:** **Kết luận**, **nhận định**

**GV giới thiệu bài mới**:

*Các em thân mến! Tác giả văn học là người sáng tạo nên tác phẩm để ghi lại những tình cảm, suy ngẫm của tác giả về cuộc sống. Tuy nhiên để tác phẩm ấy thực sự có giá trị thì cần trải qua quá trình tiếp nhận của người đọc. Đó là quá trình mà mỗi người đọc chúng ta nghiền ngẫm để khám phá ra những vẻ đẹp văn chương.*

*Trong bài học 4 này, các văn bản nghị luận văn học sẽ giúp các em hiểu hơn về con đường, cách thức khám phá vẻ đẹp văn chương.*

**2. Thao tác 2: Tìm hiểu khái quát về bài học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr 87), lời đề từ và đọc lướt qua nội dung các phần của bài học 4, cho biết:  + *Chủ đề bài học 4 “Khám phá vẻ đẹp văn chương” gồm những văn bản đọc nào?*  *+ Các VB đọc chính thuộc loại văn bản gì?*  *+ VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *+ Ý nghĩa của những VB đọc hiểu của bài học 4 là gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV có thể kết nối với kiến thức Viết trong bài 6, giúp HS hiểu rằng viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ Đường luật, thơ trào phúng) ở kì I hay phân tích một tác phẩm truyện (bài 6) đều là tạo lập một VB nghị luận văn học. | **\*Chủ đề bài học:** Khám phá vẻ đẹp, giá trị, ý nghĩa của văn chương.  **\*Thể loại:**  **- VB đọc chính:** văn bản nghị luận văn học.  + Đọc VB1: “*Người con gái Nam Xương” – một bi kịch của con người* (Nguyễn Đăng Na)  + Đọc VB2: *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi* (Trần Văn Toàn)  **- VB thơ kết nối chủ điểm:** *Ngày xưa* (Vũ Cao)  **\*** Hai VB đọc chính giúp chúng ta hiểu được con đường, cách thức khám phá vẻ đẹp văn chương của nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Còn văn bản đọc kết nối chủ điểm cho thấy một tác phẩm văn chương có thể tiếp nhận khác nhau bởi những đối tượng có hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm khác nhau. |

**TIẾT 44,45:**

**VB1: “ NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG”- MỘT BI KỊCH CỦA CON NGƯỜI.**

*Nguyễn Đăng Na*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, hiểu được cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong VB “*Người con gái Nam Xương* – một bi kịch của con người” (Nguyễn Đăng Na).

- HS nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học; hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

*2. Phẩm chất*

Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1: PP vấn đáp**  - Trong bài 1, em đã học tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (trích *Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ). Em hãy chia sẻ cảm nhận về một chi tiết mà em ấn tướng nhất trong tác phẩm.  - Em có cho rằng tác phẩm này thể hiện bi kịch của con người không? Vì sao?  **Cách 2: Xem video**  - GV chiếu HS xem 1 đoạn video tiểu phẩm: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  <https://www.youtube.com/watch?v=Ip_xE9mSPR0&t=289s>  - **Câu hỏi**: Theo em, phần diễn xuất của những diễn viên trong tiểu phẩm đã phản ánh được giá trị nội dung của truyện chưa?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | - **Cách 1**:  HS chia sẻ cảm nhận về một chi tiết ấn tượng nhất trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*.  Có thể là chi tiết “cái bóng”, chi tiết Vũ Nương trở về nhân gian trong chốc lát,...  - **Cách 2**: HS nêu nhận xét về phần diễn xuất của các diễn viên.  🡪 Phần diễn xuất của diễn viên là hoạt động sân khấu hóa tác phẩm văn học, cũng là một cách để tiếp cận giá trị của tác phârm, từ đó khám phá vẻ đẹp của tác phẩm. |

**GV dẫn vào bài mới**: Tác phẩm truyện truyền kì “*Chuyện người con gái Nam Xương* (trích *Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ) là một trong những tác phẩm đặc sắc viết về số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Đọc tác phẩm, mỗi người đọc sẽ có cảm nhận khác nhau về số phận của nàng Vũ Nương.

Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cách thức khám phá vẻ đẹp văn chương của nhà nghiên cứu, phê bình văn học thông qua bài viết *Người con gái Nam Xương – một bi kịch của con người* của nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Na.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu :** Giúp HS đọc văn bản, tìm hiểu chung về tri thức thể loại, tác giả Nguyễn Đăng Na và văn bản *Người con gái Nam Xương – một bi kịch của con người.*

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về thể loại, tác giả và văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện**

**Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu Tri thức thể loại**

Đọc mục Tri thức ngữ văn (SHS/tr 88), hoàn thành những nội dung sau:

|  |
| --- |
| **1. Tìm hiểu vè văn bản nghị luận viết về tác phẩm văn học** |
| **Yêu cầu 1:** **Trò chơi “Ong tìm chữ”:** Điền những từ phù hợp vào các chỗ trống sau:  - VB nghị luận viết về tác phẩm văn học là loại VB nhằm làm sáng tỏ các phương diện ...(1)... của tác phẩm., thể hiện ...(2)...của người viết về tác phẩm.  - VB nghị luận viết về tác phẩm văn học cần được triển khai theo một hệ thống ...(3)... rõ ràng, mạch lạc, dựa trên ...(4).... và ...(5)...thuyết phục.  - VB nghị luận về một tác phẩm văn học không nhất thiết phải bàn luận ...(6)... về tác phẩm mà có thể đi sâu vào một hoặc một số ...(7)... trong tác phẩm. |
| **2. Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu văn bản**  **Yêu cầu 2:** Hoàn thành sơ đồ sau: |

PHIẾU HỌC TẬP 02: Tìm hiểu về văn bản

|  |  |
| --- | --- |
| Thể loại | ................................................... |
| Phương thức biểu đạt chính | ................................................... |
| Nhan đề | ................................................... |
| Bố cục văn bản | ................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tri thức thể loại**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi mục Tri thức Ngữ văn (SHS/tr 88) và hoàn thành Phiếu học tập số 1 theo cặp đôi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **+** HS dựa vào mục Kiến thức Ngữ văn đã tìm hiểu ở nhà, HS hoàn thành Phiếu học tập số 1 theo cặp đôi.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi một đại diện cặp đôi báo cáo sản phẩm đã hoàn thành trong phiếu học tập.  + Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức theo hình thức trình chiếu kết quả  phiếu số 1. | I. TÌM HIỂU CHUNG  **1. Tri thức thể loại**  **1.1. Văn bản nghị luận viết về tác phẩm văn học**  - VB nghị luận viết về tác phẩm văn học là loại VB nhằm làm sáng tỏ các phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm, thể hiện quan điểm, thái độ, cách đánh giá và kiến giải của người viết về tác phẩm.  - VB nghị luận viết về tác phẩm văn học cần được triển khai theo một hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc, dựa trên lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục.  - VB nghị luận về một tác phẩm văn học không nhất thiết phải bàn luận một cách toàn diện về tác phẩm mà có thể đi sâu vào một hoặc một số khía cạnh nổi bật trong tác phẩm.  **1.2. Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu văn bản** |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn đọc văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  + Đọc với giọng trung tính, khách quan.  + Những đoạn tác giả hướng tới đối thoại, tranh biện, khi đọc cần thể hiện được tinh thần đối thoại của tác giả.  - GV đọc mẫu đoạn mở đẩu, sau đó gọi một HS đọc phần còn lại của VB hoặc chỉ đọc một vài đoạn tiêu biểu.  - HS nhận xét cách đọc của bạn.  - GV lưu ý HS trong quá trình đọc chú ý các thẻ chiến lược đọc như theo dõi cách đặt vấn đề, nhận xét của tác giả; cách tác giả nêu lí lẽ, bằng chứng để chứng minh cho ý kiến; chú ý các câu văn, các cụm từ đánh giá của người viết.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số HS đọc VB.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4. Kết luận, nhận định.** | **2. Đọc văn bản**  **-** Đọc  - Tìm hiểu chú thích (1), từ khó (nếu có). |
| **Thao tác 3: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về tác giả (HS đã chuẩn bị ở nhà).- HS thảo luận theo nhóm nhỏ trong bàn, hoàn thành Phiếu học tập số 02.Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ + HS suy nghĩ, thảo luận nhóm nhỏ để trả lời  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định.**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức về tác giả. | **3. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản**  **3.1. Tác giả Nguyễn Đăng Na**  Nguyễn Đăng Na (1942 - 2014) quê ở Đồng Tháp, là nhà nghiên cứu, phê bình văn học.  **3.2. Văn bản *Người con gái Nam Xương – một bi kịch của con người***  **a. Thể loại:** nghị luận về một tác phẩm văn học  **b. Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận  **c.** **Nhan đề**: Tên tác phẩm *Nam Xương nữ tử truyện* của Nguyễn Dữ đã được tác giả bài viết dịch là *Người con gái Nam Xương,* khác với cách dịch ở bài 1 *(Chuyện người con gái Nam Xương).*  **d. Bố cục**: **gồm 5 phần** (theo đánh số của SHS):  + Phần (1): Giới thiệu khái quát về truyện *Người con gái Nam Xương* và nàng Vũ Thị Thiết.  + Phần (2): Khái quát về cuộc đời bi kịch của nhân vật Vũ Nương.  + Phần (3): Phân tích nguyên nhân gây nên bi kịch của Vũ Nương.  + Phần (4): Phân tích sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và kì ảo trong tác phẩm.  + Phần (5): Khẳng định sức hấp dẫn của tác phẩm đối với bạn đọc. |

**2.2. Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Hướng dẫn HS tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; nghệ thuật nghị luận của văn bản.

**b. Nội dung hoạt động**:

- Phân tích hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng và cách lập luận của tác giả.

- HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 3.1: Nhóm 1, 2**  **Tìm hiểu luận điểm 1:** Nhận diện bi kịch của Vũ Nương - phần (2)  **Yêu cầu**: HS đọc **phần (2)** của văn bản và chỉ ra:Theo tác giả, bi kịch của Vũ Nương là gì? | |
| ......................................................................................................................................  ..................................................................................................................................... | |
| Lí lẽ | Bằng chứng |
| ........................................  ........................................ | ........................................  ........................................ |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 3.2: Nhóm 3, 4**  **Luận điểm 2:** Lí giải bi kịch của Vũ Nương - phần (3) |
| **Yêu cầu**: HS đọc **phần (3)** của văn bản:  - **Hoàn thành bảng sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nguyên nhân khiến Vũ Nương tự tử | Cách lí giải của tác giả | Đánh giá về cách lí giải của tác giả | | ........................................  ........................................ | ........................................  ........................................ | ........................................  ........................................ |   **- Nhận xét nghệ thuật lập luận của tác giả trong phần (3):**  + Chỉ ra cách tác giả làm nổi bật nét độc đáo trong truyện truyền kì của Nguyễn Dữ  .........................................................................................................................................  + Tìm câu văn trực tiếp bàn luận, làm nổi bật nét độc đáo đó.  ......................................................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 3.3: Nhóm 5,6**  **Tìm hiểu phần (4) và phần (5)** | |
| - Trong **phần (4),** tác giả đã làm rõ những nét đặc sắc nào trong truyện truyền kì của Nguyễn Dữ? Chỉ ra các câu văn nêu khái quát nét đặc sắc ấy. |  |
| - **Phần (5)** có vai trò gì trong bài nghị luận? Câu văn nào giúp em xác định được vai trò ấy?   * Chỉ ra nghệ thuật lập luận của tác giả bài viết trong phần (5):   + Chỉ ra cách tác giả làm nổi bật nét độc đáo trong truyện truyền kì của Nguyễn Dữ.  + Tìm câu văn trực tiếp bàn luận, làm nổi bật nét độc đáo đó. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu cách nêu vấn đề và hệ thống luận điểm của văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ***-*** GV hướng dẫn HS đọc phần (1), xác định vấn đề được bàn luận và nhận xét cách nêu vấn đề bàn luận của tác giả.  - Từ luận đề, tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định** | | II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN  **1. Cách nêu vấn đề của tác giả trong phần mở đầu**   * Luận đề của VB: Vấn đề bi kịch của con người trong tác phẩm *Người con gái Nam Xương.*   - Tác giả giới thiệu truyện *Người con gái Nam Xương,* nhân vật Vũ Thị Thiết sau đó nêu vấn đề cần bàn luận.  🡪 Cách nêu vấn đề trực tiếp.  **2. Hệ thống luận điểm và trình tự triển khai**  Ngoài phầnMở đầu - phần (1) và phần Kết thúc – phần (5), các luận điểm trong văn bản được tổ chức theo trình tự sau:  + Nhận diện bi kịch của Vũ Nương - phần (2)  + Lí giải bi kịch - phần (3)  + Hoá giải bi kịch - phần (4) |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu quan điểm, cách đánh giá, lí giải của tác giả**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu quan điểm, cách đánh giá và lí giải của tác giả về nội dung và nghệ thuật tác phẩm *Người con gái Nam Xương* qua việc hoàn thành các **phiếu học tập 3.1; 3.2; 3.3** (hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn).  GV chia lớp thành 6 nhóm, thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn trong thời gian 05 phút.  **- Nhóm 1,2 : Tìm hiểu luận điểm 1:** Nhận diện bi kịch của Vũ Nương - phần (2)  **- Nhóm 3,4: Tìm hiểu luận điểm 2:** Lí giải bi kịch - phần (3)  **- Nhóm 5,6:** **Tìm hiểu luận điểm 3:** Hoá giải bi kịch - phần (4) - phần (4) và **tìm hiểu phần kết thúc bài viết –** phần 5  GV phát PHT riêng cho từng nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.  - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - HS bổ sung, nhận xét lẫn nhau.  **Thao tác 1: Tìm hiểu luận điểm 1:** Nhận diện bi kịch của Vũ Nương - phần (2)  + Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập.  + Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện.  + GV mời ý kiến các nhóm khác trao đổi, bổ sung.  **Thao tác 2: Tìm hiểu luận điểm 2:** Lí giải bi kịch - phần (3)  + Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập.  + Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện.  + GV mời ý kiến các nhóm khác trao đổi, bổ sung.  **Thao tác 3: Tìm hiểu luận điểm 3:** Hoá giải bi kịch  + Đại diện nhóm 5 báo cáo sản phẩm học tập.  + Nhóm 6 đặt câu hỏi phản biện.  + GV mời ý kiến các nhóm khác trao đổi, bổ sung.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức**.** | | **3. Quan điểm, cách đánh giá, lí giải của tác giả về nội dung và nghệ thuật tác phẩm *Người con gái Nam Xương –* phần (2), (3), (4)**  **(bảng bên dưới)**  **- Luận điểm 1:** Nhận diện bi kịch của Vũ Nương - phần (2)  **- Luận điểm 2:** Lí giải bi kịch - phần (3)  **- Luận điểm 3:** Hoá giải bi kịch - phần (4) |
| **Quan điểm, đánh giá, cách lí giải của tác giả về nội dung và nghệ thuật tác phẩm**  ***Người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)**   |  |  | | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Luận điểm 1:** Nhận diện bi kịch của Vũ Nương - phần (2) | * **Bi kịch của nhân vật Vũ Nương:** Bi kịch bị hiểu nhầm, bị nghi ngờ lòng chung thuỷ khiến nàng phải tìm đến cái chết; đau đớn hơn, người gây nên bi kịch ấy lại là chồng và con - hai người thân yêu nhất của nàng.   **- Lí lẽ:**  + Vũ Nương xinh đẹp, chu toàn, có nhiều phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ yên bề nghi gia nghi thất, lẽ ra nàng phải được hạnh phúc (ý của đoạn *“Cuộc đời Vũ Nương tuy ngắn ngủi... làm vợ, làm mẹ!”).*  + Cuộc đời oái oăm đã khiến nàng rơi vào bi kịch: “*Ngày sum họp cùng chồng, cũng là ngày nàng phải vĩnh viễn lìa xa tổ ấm. Và đau đớn hơn, kẻ đẩy nàng vào cái chết bi thảm không phải ai xa lạ, mà chính là người chồng nàng hằng “ba năm giữ gìn một tiết”* đợi chờ và đứa con trai duy nhất mà nàng suốt ba năm nâng niu bú mớm”. | | **- Bằng chứng:**  + Những trích dẫn trực tiếp từ tác phẩm được đặt trong dấu ngoặc kép.  + Trích ý gián tiếp từ tác phẩm không được đặt trong dấu ngoặc kép (Đoạn bằng chứng: *“Đứa trẻ thì ngây thơ, chỉ kể lại những điều mà đêm đêm mẹ thường dạy khi cha vắng nhà... hàm hồ và mù quáng”).* | | **Luận điểm 2:** Lí giải bi kịch - phần (3) | * **Nguyên nhân khiến Vũ Nương gieo mình xuống sông tự tử**:   + Do Trương Sinh ghen tuông mù quáng, nàng không có cách nào chứng minh sự trong sạch của bản thân, do đó đành gieo mình xuống sông để bày tỏ tấm lòng trong trắng.  + Do Vũ Nương không thực sự hiểu tâm lí chồng để tránh đi những ngờ vực, ghen tuông không đáng có.   * **Cách lí giải của tác giả:**   + Tác giả đã căn cứ trên các tình tiết trong VB để suy luận, lí giải. Tác giả đã suy luận một cách hết sức lô-gíc diễn biến tâm lí của nhân vật Trương Sinh, từ đó cắt nghĩa cách hành xử của chàng. Lí giải của tác giả dựa trên sự suy luận tỉ mỉ về tâm lí của nhân vật, mặc dù đời sống tâm lí của nhân vật trong văn học trung đại thường không được miêu tả trực tiếp. Bởi vậy, những phân tích của tác giả cho thấy người viết bài nghị luận đã thực sự nhập thân, thấu hiểu thế giới nội tâm của nhân vật.  + Tác giả cũng nhìn nhận nguyên nhân gây nên kết cục bi kịch của Vũ Nương từ hai phía: cả phía người chồng và người vợ, khách quan và chủ quan, do đó cách lí giải toàn diện chứ không phiến diện, một chiều. | | * **Nghệ thuật lập luận trong phần (3):**   + Nghệ thuật sáng tạo chi tiết để đẩy câu chuyện đến đỉnh điểm trong tương quan so sánh với truyện truyền kì trong nước và của các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc,...  + Câu văn: *“Lấy hình tượng cái bóng người và lời nói ngây thơ của đứa con để đẩy câu chuyện lên tới đỉnh điểm là nét độc đáo riêng của Nguyễn Dữ, không thể tìm thấy trong bất cứ truyện truyền kì nào của Việt Nam cũng như của các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc,...”.* | | **Luận điểm 3:** Hoá giải bi kịch - phần (4) | ***-* Những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm “Người con gái Nam Xương”:**  Nhận định của người viết về nét độc đáo ở truyện truyền kì của Nguyễn Dữ được thể hiện qua câu văn: “*Cái tài của Nguyễn Dữ là ông đã dung hòa được hiện thực và ước mở, giữa cái tồn tại với cái ảo ảnh*”:  + Sự dung hoà giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo, giữa đời thực và ước mơ.  + Yếu tố kì ảo giúp Vũ Nương được minh oan, hội ngộ với Trương Sinh dù chỉ trong chốc lát, nhưng yếu tố hiện thực lại khiến cho sự đoàn tụ chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, còn chia li mới là vĩnh viễn.  - Từ đây, tác giả bài nghị luận nâng cao vấn đề: bi kịch của Vũ Nương không chỉ là bi kịch của cá nhân nàng, mà còn là bi kịch của con người, bi kịch của gia đình: “đứa trẻ mồ côi, người chồng cô đơn, người vợ bị chết”. Cũng từ đây, người đọc hiểu hơn về nhan đề bài nghị luận: *Người con gái Nam Xương* là bi kịch của con người nói chung chứ không giới hạn ở một số phận cụ thể.  Những phân tích của tác giả bài viết đã cho thấy ý nghĩa phổ quát của tác phẩm. | | | |
| **Thao tác 3: Tìm hiểu cách kết thúc bài viết – phần (5)**  + Đại diện nhóm 6 báo cáo sản phẩm học tập.  + Nhóm 5 đặt câu hỏi phản biện.  + GV mời ý kiến các nhóm khác trao đổi, bổ sung. | **4. Cách kết thúc bài viết – phần (5)**   * **Vị trí**: Phần (5) đóng vai trò kết thúc vấn đề trong bài nghị luận. * **Vai trò**: Khái quát và nâng cao các ý đã phân tích trong bài, khẳng định sức sống của tác phẩm *Người con gái Nam Xương.* * Câu văn: *“Có lẽ vì vậy mà “Người con gái Nam Xương” vẫn còn sức hấp dẫn đối với bạn đọc ngày nay”.* * **Nghệ thuật lập luận của phần (5)**:   + Khẳng định nét đặc sắc ở truyện truyền kì của Nguyễn Dữ thể hiện qua nghệ thuật xây dựng hình tượng người phụ nữ trong tương quan so sánh với các truyện khác thuộc thể truyền kì.  + Câu văn khái quát: *“Có thể nói, với “Người con gái Nam Xương”, Nguyễn Dữ đã vượt khỏi những công thức thông lệ về hình tượng người phụ nữ trong thể truyền kì”.*  + Điểm giống nhau trong biện pháp làm rõ nét độc đáo của truyện truyền kì Nguyễn Dữ trong phần (3) và phần (5) là đều đặt trong tương quan so sánh. | |

**2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS trao đổi theo cặp trong bàn các yêu cầu sau:  1. *Rút ra đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản.*  *? Một số chi tiết và nhân vật trong tác phẩm “*Người con gái Nam Xương”*không được tác giả bài nghị luận phân tích, chẳng hạn như chi tiết người mẹ dặn dò trước khi Trương Sinh ra trận, các nhân vật Linh Phi, Phan Lang… Từ đó, em có suy nghĩ gì về việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học?*  *2. Từ đó, hãy rút ra cách đọc hiểu một văn bản nghị luận viết về tác phẩm văn học.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT  1. Nội dung  VB thể hiện quan điểm của tác giả Nguyễn Đăng Na về nội dung và đặc sắc nghệ thuật, sức hấp dẫn của tác phẩm *Người con gái Nam Xương (*Nguyễn Dữ).  **2. Nghệ thuật lập luận**  - Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng rõ ràng, mạch lạc, giúp làm sáng tỏ luận đề.  - Lí lẽ và bằng chứng trong VB hướng vào trọng tâm vấn đề, người viết không phân tích tất cả chi tiết hay nhân vật có trong tác phẩm mà phân tích một cách chọn lọc.  - Sử dụng phương pháp so sánh trong lập luận.  **3. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận viết về tác phẩm văn học**  **-** Xác định luận đề, bố cục VB.  - Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài viết.  - Phân tích nội dung, hình thức của VB cùng với sự lí giải của người viết về các phương diện đó.  - Đánh giá cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng trong VB. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Thực hành một số bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bài tập 1**. HS vẽ sơ đồ tư duy về kiến thức bài học.  **Bài tập 2.**  - Kể tên một số tác phẩm văn học viết về số phận bi kịch của con người.  - Nhận xét tình cảm, thái độ của các tác giả qua những tác phẩm đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS làm việc cá nhân.  + BT1: GV gọi 2 HS lên bảng vẽ sơ đồ tư duy, các HS bên dưới cùng vẽ.  + BT2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.  - GV quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **Bài tập 1**: HS vẽ sơ đồ tư duy bài học.  **Bài tập 2:**  - Một số tác phẩm văn học Việt Nam viết về số phận bi kịch của con người, chẳng hạn: các vở chèo *Xuý Vân giả dại, Quan Âm Thị Kính*; *Truyện Kiều* (Nguyễn Du); *Bánh trôi nước* (Hồ Xuân Hương); *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố); *Lão Hạc, Chí Phèo* (Nam Cao);...  - Nhận xét tình cảm, thái độ của các tác giả qua những tác phẩm đó:  + Đồng cảm, xót thương trước số phận bi kịch của con người.  + Lên án, phê phán xã hội đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của con người.  + Trân trọng vẻ đẹp về cả ngoại hình, tài năng, đặc biệt là vẻ đẹp tính cách, phẩm chất của con người. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**1. Nhiệm vụ 1: Viết kết nối với đọc**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Đề bài:** Em có đồng tình với những phân tích của tác giả bài viết "Người con gái Nam Xương" - một bi kịch của con người về chi tiết chiếc bóng trên vách không?

Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) để trả lời câu hỏi trên.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
* GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
* Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét đoạn văn của HS, chuẩn hoá kiến thức.

**2. Nhiệm vụ 2: Chia sẻ**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Rút ra bài học về cách thức khám phá vẻ đẹp tác phẩm văn chương qua bài viết của tác giả Nguyễn Đăng Na.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi một số HS trình bày suy nghĩ của mình.
* Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
* **Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá, định hướng.

**Gợi ý trả lời**

\*HS có thể rút rabài học về cách thức khám phá vẻ đẹp tác phẩm văn chương qua bài viết của tác giả Nguyễn Đăng Na.

**-** Nên đi sâu tìm hiểu một số khía cạnh nổi bật của tác phẩm mà bản thân cảm thấy ấn tượng.

- Sử dụng thao tác so sánh với các tác phẩm văn học khác trong nước hoặc ngoài nước để tìm ra những nét đặc sắc của tác phẩm.

- Cần bám sát các phương diện ngôn ngữ, hình tượng, các thủ pháp nghệ thuật,...khi khám phá vẻ đẹp một tác phẩm.

RÚT KINH NGHIỆM

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 46:TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

*1. Về kiến thức*

- Kiến thức chung: Thông qua tiết trả bài, giúp học sinh nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của mình trong khâu phân tích đề, phương pháp làm bài, kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết yêu cầu đề ra.

*-*  Qua giờ trả bài giáo viên giúp học sinh củng cố các kĩ năng làm bài, nhất là biết vận dụng các kiến thức tích hợp về văn, tiếng Việt và tập làm văn để làm bài kiểm tra tổng hợp.

- Kĩ năng bài học: Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp, sửa sai.

- Kĩ năng sống: Nhận thức, giải quyết vấn đề, ra quyết định.

*2. Về phẩm chất:* HS có ý thức nghiêm túc nhận lỗi và sửa lỗi trong bài viết.

B. CHUẨN BỊ

1.GV: soạn bài, chấm bài.

2.HS**:** vở ghi.

C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh.** | **Nội dung cần đạt** |
| --- | --- |
| **HĐ 1: Khởi động. (5’)**  **B 1**. GV nêu yêu cầu HS nhắc lại những đơn vị kiến thức đã sử dụng trong bài kiểm tra .  **B 2.3.** HS trao đổi đưa ra câu trả lời, bổ sung cho nhau.  **B 4.** GV gợi đẫn vào bài.  Trong bài kiểm tra giữa học kì I này, các em đã có những tiến bộ đáng kể về kiến thức. Hôm nay chúng ta sẽ cùng đánh giá kết quả đó và chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu của từng bài viết để các em rút kinh nghiệm cho bài làm sau đạt kết quả tốt hơn nữa. |  |
| **HĐ 2,3: Nhận xét, chữa bài.**  - **GV nhận xét** ưu, nhược điểm bài làm của học sinh. GV đưa dẫn chứng cụ thể các bài làm còn mắc lỗi để HS nhận biết.  - **Chữa bài**  **B1. GV:** Nêu các câu hỏi và bài tập trong đề kiểm tra.  - Giao câu hỏi cho các nhóm  **B 2.** Các nhóm bàn luận trả lời câu hỏi.  **B 3**. HS trình bày kết quả hoạt động nhóm.  **B 4**. *GV chốt giảng, nâng cao.*  *GV đưa đáp án*  **GV trả bài** cho HS  - Học sinh đọc lại bài viết, đối chiếu với đáp án và sửa chữa, rút kinh nghiệm về bài làm của mình, trao đổi bài với nhau.  - GV gọi HS đọc bài làm tốt cho cả lớp nghe và tham khảo. | **I. Nhận xét chung**  - Ưu điểm:  + Đọc – hiểu văn bản:  + Tạo lập văn bản:  - Nhược điểm  + Hình thức: Trình bày, chữ viết.  + Nội dung: lỗi về diễn đạt, nội dung, bố cục ài viết, kiểu bài.  **II. Chữa bài theo đáp án**  **Đề, đáp án ở tiết 35,36**  I. Đọc – hiểu văn bản  II. Tạo lập văn bản  **III. Trả bài** |

**Hoạt động 4. Vận dụng. (3’)**

Về nhà làm lại bài kiểm tra

**TIẾT 47: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

- HS biết cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp; biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

*2. Phẩm chất*

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Đọc 2 ví dụ sau:  ***a***. *Khi tiễn Trương Sinh đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong ầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”.*  *b. Khi tiễn Trương Sinh đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy tiễn chồng mà dặn chồng ra đi chuyến này, nàng chẳng dám mong chồng đeo được ấn phong ầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, nàng chỉ xin ngày về chồng mang theo được hai chữ bình yên.*  **Trả lời câu hỏi:** So sánh nội dung thông tin và hình thức trình bày lời nói của Vũ Nương trong hai ví dụ trên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Dự kiến câu trả lời của HS:**  So sánh nội dung và hình thức trình bày lời nói của Vũ Nương trong hai ví dụ:  \*Về nội dung thông tin: giống nhau trong hai ví dụ.  \*Về hình thức trình bày:   |  |  | | --- | --- | | **Ví dụ a** | **Ví dụ b** | | Lời nói trực tiếp của Vũ Nương được đặt sau dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. | Dẫn lại lời của Vũ Nương. Lời dẫn đó không được đặt trong dấu ngoặc kép; diễn đạt lại nội dung nhưng vẫn đảm bảo ý (lược bỏ từ ngữ, thay đổi từ dùng để xưng hô). | |

**=> GV kết nối, dẫn vào bài mới:** Trong giao tiếp, đôi khi ta trích dẫn nguyên văn lại lời nói, ý nghĩ của người khác , khi đó ta có cách dẫn trực tiếp. Ta cũng có thể thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người khác theo cách diễn đạt của mình, khi đó ta sử dụng cách dẫn gián tiếp. Vậy sự khác nhau và cách sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp như thế nào, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS nắm được khái niệm, dấu hiệu nhận biết, cách chuyển đổi của lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Theo dõi phần **Tri thức Ngữ văn** (tr 88/ SHS) và bảng nhận biết (tr 93-94).  Thảo luận cặp đôi thực hiện những yêu cầu sau:  **-** Nêu **khái niệm** và **dấu hiệu nhận biết** cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếpbằng cách hoàn thành **Phiếu học tập số 01** sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cách dẫn trực tiếp** | **Cách dẫn gián tiếp** | | Khái niệm | .......... | .......... | | Dấu hiệu nhận biết | .......... | .......... |   - Nêu **cách chuyển đổi** từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1- 2 cặp đôi trả lời miệng, trình bày kết quả.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chuẩn hóa kiến thức.  **GV lưu ý HS:**  Phân biệt cách dẫn trực tiếp với lời thoại của nhân vật. Lời thoại của các nhân vật trong truyện thường được đặt sau dấu hai chấm, được viết tách thành dòng riêng và có dấu gạch đầu dòng ở đầu lời thoại. | I. LÝ THUYẾT  **1. Khái niệm – dấu hiệu nhận biết của cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Cách dẫn**  **trực tiếp** | **Cách dẫn**  **gián tiếp** | | Khái niệm | Là sử dụng nguyên văn từ ngữ, câu, đoạn,… của một văn bản gốc vào bài viết, bài nói. | Là sử dung ý tưởng của người khác và diễn đạt lại theo cách của mình. Tuy được diễn đạt lại nhưng ý tưởng trong văn bản gốc cần được thể hiện một cách trung thành. | | Dấu hiệu nhận biết | Đánh dấu phần dẫn trực tiếp bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. | Phần dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép. |   **2. Cách chuyển đổi từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp**   * Lược bỏ dấu ngoặc kép, dấu hai chấm đánh dấu phần dẫn trực tiếp.   - Diễn đạt lại nội dung phần dẫn trực tiếp sao cho thích hợp, đảm bảo trung thành với ý được dẫn trong VB gốc. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:**

**-** HS củng cố kĩ năng xác định phần dẫn, cách trích dẫn và dấu hiệu nhận biết cách dẫn trong VB.

- Thực hành chuyển từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp.

**b. Sản phẩm:** Nội dung trả lời các bài tập 1, 2 (tr 93-94/SHS).

### c. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Bài tập 1:** Làm việc cá nhân.  **- Bài tập 2:** Thảo luận theo nhóm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu mà GV đã phân công.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện HS/ đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | II. THỰC HÀNH  **1. Bài tập 1 (Tr 93/SHS)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Cách dẫn** | **Dấu hiệu nhận biết** | | **a** | Cách dẫn trực tiếp | - Phần dẫn: “*Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu [...], chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi*.”  - Dấu hiệu: Phần dẫn được đặt sau dấu hai chấm và trong dấu ngoặc kép. | | **b** | Cách dẫn gián tiếp | - Phần dẫn: *người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng, quanh đáy*.   * Dấu hiệu: có lời chỉ dẫn “*theo như lời thầy giáo của tôi bảo*”, phần dẫn không được đặt trong dấu ngoặc kép. |   **2. Bài tập 2 (Tr 94/SHS): Chuyển cách dẫn trực tiếp trong các câu sang cách dẫn gián tiếp:**   1. Nỗi oan của Vũ Nương sẽ còn đeo đẳng mãi lấy nàng, nếu như không có một đêm tình cờ đứa bé nói cha của nó lại đến rồi. 2. Thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn đã khẳng định rằng, đối với đồng bào của ông, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào ông. 3. Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã bộc lộ thành thực tâm trạng của ông, đó là dầu có ưa thơ người này người khác, mỗi lúc buồn đến, ông lại trở về với Lưu Trọng Lư. Có những bài thơ cứ vương vấn trong trí ông hàng tháng, lúc nào cũng văng vẳng bên tai. Bởi vì đối với ông, thơ của Lưu Trọng Lư nhiều bài không phải là thơ, nghĩa là những công trình nghệ thuật, mà chính là tiếng lòng thổn thức cùng hoà theo tiếng thổn thức trong lòng mỗi người. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm**

**1.** Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 5 - 7 câu) có nội dung liên quan đến ý kiến dưới đây, trích dẫn ý kiến đó theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp: "Cái tài của Nguyễn Dữ là ông đã dung hòa được hiện thực với ước mơ, giữa cái tồn tại với cái ảo ảnh."

(Nguyễn Đăng Na, "Người con gái Nam Xương" - một bi kịch của con người)

**2.** Sưu tầm một số lỗi về cách dẫn trực tiếp hoặc cách dẫn gián tiếp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* GV hướng dẫn HS cách viết đoạn văn và cung cấp bảng kiểm cho HS.

**-** HS làm việc cá nhân, hoàn thành đoạn văn.

- HS trao đổi theo nhóm để tìm các lỗi về cách dẫn trực tiếp hoặc cách dẫn gián tiếp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.

Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.

Gọi một số HS trình bày các lỗi về cách dẫn trực tiếp hoặc cách dẫn gián tiếp.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức.

**Gợi ý trả lời**

**1. Đoạn văn tham khảo:**

Số phận nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ) tiêu biểu cho số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Vũ Nương chỉ là một người vợ, người mẹ bình thường trong đời thực với những mơ ước giản dị là “cái thú vui nghi gia nghi thất”, mong vợ chồng con cái sum họp, được làm vợ, làm mẹ. Ba năm giữ trọn vẹn đạo làm con, làm vợ để chờ chồng, nhưng ngày đoàn tụ cũng là ngày nàng phải vĩnh viên rời xa cõi nhân gian trong nỗi oan khuất khôn cùng. Là nhà văn nhân đạo, Nguyễn Dữ đã tưởng tượng ra cảnh Vũ Nương hội ngộ với Trương Sinh, đó cũng là mong ước của nhân dân. Được minh oan, được trở về nhân gian trong chốc lát để nói lời từ biệt chồng con, rồi “trong chốc lát bóng nàng loang loáng mờ nhạt mà tan biến dẫn”. Sự thật là Vũ Nương đã chết, nàng không thể sống lại; từ đây âm dương cách biệt, sự chia cách là mãi mãi, để người đọc càng ý thức rõ hơn về bi kịch của Vũ Nương cũng là bi kịch con người, bi kịch gia đình. Đúng như nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Na đã khẳng định: "Cái tài của Nguyễn Dữ là ông đã dung hòa được hiện thực với ước mơ, giữa cái tồn tại với cái ảo ảnh."

**2. Một số lỗi về cách dẫn trực tiếp hoặc cách dẫn gián tiếp:**

* Không để lời dẫn trực tiếp trong dấu ngoặc kép.

- Không thay đổi từ ngữ xưng hô khi chuyển sang lời dẫn gián tiếp,...

RÚT KINH NGHIỆM:

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 48,49:**

**VB 2: TỪ “THẰNG QUỶ NHỎ” CỦA NGUYỄN NHẬT ÁNH NGHĨ VỀ NHỮNG PHẨM CHẤT CỦA MỘT TÁC PHẨM VIẾT CHO THIẾU NHI**

*Trần Văn Toàn*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, hiểu được cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong VB.

- HS nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học; hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

*2. Phẩm chất*

Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Trả lời câu hỏi:** *Em đã được đọc tác phẩm văn học nào viết về những nhân vật có ngoại hình khác lạ? Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về tác phẩm ấy.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV mời một số HS chia sẻ quan điểm.  **-** Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **Dự kiến câu trả lời của HS:**  - Một số tác phẩm viết về nhân vật có ngoại hình khác lạ: chàng Cóc, *Sọ Dừa, Trương Chi* trong truyện cổ tích, Quasimodo trong *Nhà thờ Đức Bà Paris* (Vích-to Huy-gô), giáo sư Hagrid trong truyện Harry Potter (J.K.Rowling),...  - HS chia sẻ cảm nhận về một tác phẩm (*ấn tượng với ngoại hình khác lạ của nhân vật, sự ảnh hưởng của ngoại hình đối với cuộc sống của nhân vật*,...). |

**=> GV dẫn vào bài mới:** Đọc những tác phẩm truyện, ta thấy có rất nhiều những nhân vật có ngoại hình không hoàn hảo, thậm chí xấu xí. Vậy dụng ý của các nhà văn khi xây dựng những nhân vật đó là gì? Và liệu rằng một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi có nên xây dựng nên những hình tượng nhân vật như vậy hay không? Ta sẽ tìm hiểu quan điểm của nhà nghiên cứu Trần Văn Toàn về vấn đề này qua bài viết *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS đọc văn bản và tìm hiểu chung văn bản *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi* (Trần Văn Toàn)

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn đọc văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  + Đọc với giọng trung tính, khách quan.  + GV đọc mẫu đoạn mở đẩu, sau đó gọi một HS đọc một vài đoạn tiêu biểu.  - HS nhận xét cách đọc của bạn.  - GV lưu ý HS trong quá trình đọc chú ý các thẻ chỉ dẫn như *theo dõi, chú ý, suy luận* bám sát đặc trưng của văn bản nghị luận.  - Tìm hiểu chú thích (1) và từ khó.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số HS đọc VB.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG  **1. Đọc văn bản**  - Tìm hiểu chú thích (1): VB “Thằng quỷ nhỏ” là truyện dài của Nguyễn Nhật Ánh gồm có 21 chương. Nhân vật chính là Quỳnh, cậu bé có biệt danh “thằng quỷ nhỏ” bởi ngoại hình khác lạ.  Soạn bài Từ Thằng quỷ nhỏ của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi | Ngắn nhất Soạn văn 9 Kết nối tri thức  - Tìm hiểu từ khó (nếu có) |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu chung về tác giả và văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\***GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của về tác giả Trần Văn Toàn.  \*GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, tìm hiểu chung về văn bản theo các câu hỏi sau:  *-* Nêu thể loại của VB  - Dựa vào nhan đề, hãy cho biết văn bản bàn luận về vấn đề gì?Nêu phạm vi của vấn đề bàn luận trong văn bản.  Thời gian thảo luận cặp đôi: **03 phút** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận cặp đôi.  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức về tác giả, văn bản. | **2. Tác giả Trần Văn Toàn**  Trần Văn Toàn sinh năm 1973, quê ở Nam Định, là giảng viên, nhà nghiên cứu, phê bình văn học.  **3. Văn bản *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi***  **- Thể loại:** Nghị luận viết về một tác phẩm văn học.   * **Luận đề:** Nêu suy ngẫm về những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi thông qua tác phẩm *Thằng quỷ nhỏ* (Nguyễn Nhật Ánh).   **- Phạm vi của vấn đề bàn luận:** Tác giả phân tích truyện dài *Thằng quỷ nhỏ* như một điểm tựa, từ đó bàn luận và đặt ra vấn đề rộng hơn là những phẩm chất cần có đối với một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi nói chung. |

**2.2. Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu :**

- Phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản; cách lập luận của tác giả.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB đối với bản thân.

**b. Nội dung hoạt động**:

- Phân tích nội dung, ý nghĩa của văn bản, tìm hiểu luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng; cách lập luận của tác giả và thông điệp của văn bản.

- HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 01: Nhóm 1, 2**  **Đọc phần (1) của VB và tìm hiểu luận điểm 1:**  **Nhân dạng khác biệt của Quỳnh và thái độ của mọi người đối với nhân dạng ấy** |
| 1.1. Nhân dạng khác biệt của Quỳnh:   |  |  | | --- | --- | | Lí lẽ | Bẳng chứng | | ...................................  ..................................  .................................. | ...................................  ..................................  .................................. | |
| 1.2. Thái độ của mọi người đối với nhân dạng khác biệt của Quỳnh:   |  |  | | --- | --- | | Lí lẽ | Bẳng chứng | | ...................................  ..................................  .................................. | ...................................  ..................................  .................................. |   =>Nhận xét về các lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong luận điểm 1:  .......................................................................................................................................  ...................................................................................................................................... |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 02: Nhóm 3, 4**  **Đọc phần (2) của VB và tìm hiểu luận điểm 2:**  **Nhân dạng con người là một tạo tác mang tính văn hoá** |
| **-** Quan điểm của tác giả về nhân dạng của con người:    **-** Tác dụng của việc liên tưởng đến truyện cổ tích trong đoạn cuối phần (2)  .............................................................................................................................  .............................................................................................................................. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 03: Nhóm 5,6**  **Đọc phần (3) của VB và tìm hiểu luận điểm 3: Những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi** |
| \*Làm rõ quan điểm của tác giả về những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi:   |  |  | | --- | --- | | Những phẩm chất cần có của tác phẩm viết cho thiếu nhi | Câu văn trong văn bản thể hiện điều đó | | ...................................  ..................................  .................................. | ...................................  ..................................  .................................. |   \*Nêu ý kiến của em về quan điểm của tác giả cho rằng: “phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải”:  ...................................................................................................................  ................................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 04:**  **Những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả thể hiện qua văn bản** | |
| 1. Cách đặt vấn đề | ........................................... |
| 2. Cách tổ chức luận điểm | ........................................... |
| 3. Cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng | ........................................... |
| 4. Ngôn ngữ viết | ........................................... |
| 5. Yếu tố bổ trợ | ........................................... |
| 6. Giọng văn | ........................................... |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn tìm hiểu hệ thống luận điểm của văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu**: Xác định các luận điểm chính của văn bản. Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm trong VB, vẽ sơ đồ để biểu hiện mối quan hệ đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận trong bàn.  + Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức. | | II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN  1. Tìm hiểu hệ thống luận điểm  - Hệ thống luận điểm: Mỗi phần được đánh số trong văn bản tương ứng với một luận điểm:  + *Luận điểm 1*: Nhân dạng khác biệt của Quỳnh và thái độ của mọi người đối với nhân dạng ấy.  + *Luận điểm 2*: Nhân dạng con người là một tạo tác mang tính văn hoá.  + *Luận điểm 3*: Những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi.  - Mối quan hệ giữa các luận điểm:  Các luận điểm được sắp xếp theo trình tự từ cụ thể đến khí quát, trong đó:  + Luận điểm 1: là sự thể hiện vấn đề nhân dạng con người trong một tác phẩm cụ thể;  + Luận điểm 2: tác giả đã sử dụng các tri thức về nhân học văn hóa để lí giải vấn đề nhân dạng con người; từ đó soi tỏ trở lại để cắt nghĩa, đem đến cái nhìn mới về vấn đề nhân dạng trong các tác phẩm văn học.  + Trên cơ sở nhận diện (luận điểm 1) và lí giải (luận điểm 2) ấy, tác giả đề xuất những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi (luận điểm 3).  Luận điểm 2  Luận điểm 1  Luận điểm 3 |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu hệ thống lí lẽ và bằng chứng trong từng luận điểm**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chia lớp thành 6 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể:  + Nhóm 1,2:Tìm hiểu luận điểm 1 - Hoàn thành Phiếu học tập 01  + Nhóm 3,4:Tìm hiểu luận điểm 2 - Hoàn thành Phiếu học tập 02  + Nhóm 5,6:Tìm hiểu luận điểm 3 - Hoàn thành Phiếu học tập 03  **-** Các nhóm thảo luận theo kĩ thuật Khăn trải bàn.  Thời gian thảo luận: **05 phút.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm cử nhóm trưởng, thư kí. Tiến hành thảo luận nhóm trong thời gian quy định.  - GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Sau thảo luận, các nhóm cử đại diện lên thuyết trình trước lớp.  - GV lựa chọn MC dẫn phần báo cáo sản phẩm của các nhóm theo kĩ thuật công đoạn.  **-** Mỗi nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm. Nhóm còn lại cùng nhiệm vụ sẽ phản biện.  - Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn hóa kiến thức. | | **2. Hệ thống lí lẽ và bằng chứng trong từng luận điểm**  (bảng phía dưới)  2.1. Luận điểm 1: Nhân dạng khác biệt của Quỳnh và thái độ của mọi người đối với nhân dạng ấy  2.2. Luận điểm 2: Nhân dạng con người là một tạo tác mang tính văn hoá  2.3. Luận điểm 3: Những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi |
| **Hệ thống lí lẽ và bằng chứng trong từng luận điểm của văn bản**   |  |  | | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Luận điểm 1:** Nhân dạng khác biệt của Quỳnh và thái độ của mọi người đối với nhân dạng ấy | **1.1. Nhân dạng khác biệt của Quỳnh**  **- Lí lẽ**:  + Chữ “quỷ” trong nhan đề tác phẩm được sử dụng để chỉ sự kì dị trong nhân dạng.  + Những nét kì dị gắn với gương mặt của nhân vật nên trở thành khiếm khuyết không thể che giấu, trở thành dấu hiệu thường trực để nhận biết nhân vật.  + Nhận dạng tuy chỉ là bề ngoài nhưng lại quyết định toàn bộ nhân cách và vị thế tồn tại của Quỳnh, khiến cậu phải chịu thân phận của một kẻ lạc loài.  - **Bằng chứng:** Hai vành tai to, mỗi khi Quỳnh có tâm trạng nó lại ve vẩy như cánh bướm, chiếc mũi to, đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi.  **=> Nhận xét:**  + Các lí lẽ và bằng chứng đưa ra đều giúp người đọc nhận ra nhân dạng khác lạ của Quỳnh và những hệ luỵ mà cậu phải hứng chịu từ nhân dạng ấy.  + Bằng chứng được chọn lọc trích và dẫn theo lối gián tiếp.  **1.2. Thái độ của các nhân vật khác đối với Quỳnh**  ***-* Lí lẽ**:  + Trong mắt mọi người, Quỳnh chỉ là một thằng hề, để tiêu khiển, để mua vui cho đám đông hồn nhiên, vô tâm.  + Chiếc bàn học chỉ có hai chỗ ngồi và khoảng trống ở giữa là một ngoại lệ. Ngoại lệ ấy có nguyên nhân từ sự dị thường trong ngoại hình của Quỳnh.  + Mọi người không nhận ra những phẩm chất tốt đẹp của Quỳnh, ngoại trừ Nga.  + Trong mắt bạn bè, những tình cảm của một con người bình thường nếu xuất hiện ở Quỳnh đều trở thành khác thường, kệch cỡm.  + Không ai tin được bên trong cái dung mạo dị thường của Quỳnh lại tồn tại những tình cảm của một con người bình thường.  **- Bằng chứng**:  *+* Với Hạnh, cô lớp trưởng luôn đúng mực, người luôn đứng ra trấn áp những kẻ bày trò tai quái với Quỳnh thì giữa họ vẫn có một khoảng cách mênh mông: “Bàn có hai người, nhưng mỗi người ngồi tít một đầu, chừa khoảng trống ở giữa”.  + Nga nhận ra và chứng kiến những gì Quỳnh làm cho bạn bè, cho những đứa trẻ nghèo quanh nhà mình.  + Tình cảm bạn bè của Quỳnh và Nga là đề tài cho mấy câu vè quái ác của Luận.  + Thái độ của Nga và những trích dẫn về thái độ, phản ứng và cảm giác của Nga trước tình cảm của Quỳnh.  **=> Nhận xét:**  + Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng đều giúp người đọc nhận ra thái độ của những người xung quanh đối với Quỳnh.  + Bằng chứng và lí lẽ được trình bày xen kẽ, tác giả đưa ra lí lẽ nào thì sẽ chọn bằng chứng tương ứng cho lí lẽ ấy.  + Bằng chứng được trích dẫn theo cả hai cách trực tiếp và gián tiếp, vừa có bằng chứng trực tiếp từ tác phẩm, vừa có bằng chứng mở rộng bên ngoài tác phẩm (bằng chứng “bàn có năm chỗ ngồi”). | | **Luận điểm 2:** Nhân dạng con người là một tạo tác mang tính văn hoá | **\*Quan điểm của tác giả về nhân dạng con người**: nhân dạng con người là một tạo tác mang tính văn hoá, được điều chỉnh bởi những quy chuẩn của nhân loại.   * **Các lí lẽ giúp làm sáng tỏ quan điểm của tác giả:**   + Nhân dạng không phải chỉ là bề ngoài mà cũng được nhào nặn và xét đoán theo các chuẩn mực giá trị.  + Nhân dạng là của riêng cá nhân nhưng lại được định giá bởi các chuẩn mực của cộng đồng.  + Nhân dạng không chỉ thực hiện các chức năng sinh học mà còn được nhào trộn, định giá theo chuẩn mực, quy tắc thẩm mĩ của một cộng đồng.  + Nghiên cứu về nhân học cho thấy: trong bất kì xã hội nào, luôn tồn tại các quy chuẩn. Các quy chuẩn này đã gạt bỏ những gì lệch chuẩn. Từ đó, hình thành cặp nhị phân: bình thường và bất bình thường trong trí tuệ, giới tính, hành vi,... và cả nhân dạng. + Chuẩn mực có quyền lực và sức mạnh áp đặt, buộc cá nhân phải tuân thủ mà không có quyền phản biện.  + Tiêu chuẩn về nhân dạng kì thực là một quyền lực loại trừ những gì thuộc về số ít, lệch chuẩn, dị thường.   * **Bằng chứng giúp làm sáng tỏ quan điểm của tác giả:**   + Trường hợp chú bé Quỳnh.  + Trường hợp trút bỏ lốt ngoài kì dị của các nhân vật trong truyện cổ tích.  **\* Lí giải của tác giả về cách ứng xử của chúng ta trước một nhân dạng đặc biệt:** Do “chúng ta” có những tiêu chuẩn về nhân dạng, những “tiêu chuẩn” ấy là một “quyền lực” loại trừ những gì thuộc về “số ít”, “lệch chuẩn” và “dị thường”.  **\* Tác dụng của việc liên tưởng đến truyện cổ tích trong đoạn cuối:**  + Mở rộng bằng chứng (ngoài tác phẩm đang bàn luận).  + Làm tăng sức thuyết phục cho vấn đề bàn luận. | | **Luận điểm 3:** Những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi | **\* Quan điểm của tác giả về những phẩm chất cần có của tác phẩm viết cho thiếu nhi:**   |  |  | | --- | --- | | Những phẩm chất cần có của tác phẩm viết cho thiếu nhi | Câu văn trong văn bản thể hiện điều đó | | * Một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi cần nhận diện đầy đủ về những gì bị đặt ra ngoài chuẩn mực, hình dung về chúng như những tồn tại khác, đánh thức và nuôi dưỡng tình yêu thương, sự trân trọng với những tồn tại ấy. | *+ “Trước tiên, chúng ta vẫn thường nghĩ, một tác phẩm văn học thiếu nhi phải góp phần hình thành những chuẩn mực văn hoá của một cộng đồng trong tâm hồn của trẻ thơ. Điều này không sai, nhưng có lẽ là chưa đủ. Bởi lẽ, cũng cần nhận diện đầy đủ về những gì đã bị đặt ra ngoài chuẩn mực ấy.”*  *+ “Chính từ đây mà tác phẩm sẽ là nơi đánh thức và nuôi dưỡng tình yêu thương, sự trân trọng một tồn tại khác với những nỗ lực để thấu hiểu và tôn trọng.”* | | * Không nên biến nhân vật trong tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo. | *“Thứ hai, không nên biến những nhân vật trong các tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo.”* | | - Cần phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải. | *“Cuối cùng, phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải.”* |   **\* Phần mở rộng thêm:**  **Nêu suy nghĩ về quan điểm của tác giả cho rằng: “***phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải*”:  (Chú ý: Nội dung này GV cho HS trao đổi và mở rộng cho HS)  - **Giải thích quan điểm**: từ góc nhìn của người lớn với chiều sâu trong tư duy và sự phong phú trong kinh nghiệm sống, trải nghiệm cảm xúc để viết cho thiếu nhi.  - **Đánh giá quan điểm**: Ý kiến trên đối thoại với quan điểm người lớn cần dùng cái nhìn của trẻ thơ để viết cho trẻ thơ. Nhập thân vào trẻ thơ là điều cần thiết với những nhà văn viết cho thiếu nhi, nhưng đôi khi sẽ dẫn đến sự sống sượng, giả tạo trong cảm xúc, sự đơn giản trong nhận thức và cảm nhận về thế giới. Bởi vậy, quan điểm của tác giả có hạt nhân hợp lí: những tác phẩm văn học thiếu nhi được viết từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải sẽ tạo nên chiều sâu cho tác phẩm, sẽ tạo ra một thế giới mà “*tuổi thơ được phát hiện lại, được trục vớt từ trong những hoài niệm, được chiếu sáng từ những thao thức về giá trị*”.  - **Phản biện quan điểm tác giả và nêu quan điểm của bản thân** (nếu có):  + Tuy nhiên, “viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải” chỉ là một góc độ tiếp cận và kiến tạo thế giới tuổi thơ. Nhà văn cũng hoàn toàn có thể viết cho trẻ em từ cái nhìn hồn nhiên, hoá thân thành trẻ thơ để viết. Điều đó tuỳ thuộc vào sở trường, tài năng của nhà văn.  + Giới hạn thường gặp trong các sáng tác văn học viết cho thiếu nhi hoặc là xơ cứng giáo điều, hoặc là hồn nhiên giả tạo. Bởi vậy, dù dùng góc nhìn nào, nhà văn cũng cần vượt qua những giới hạn ấy để viết nên những tác phẩm thực sự làm rung động trái tim người đọc | | | |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn tìm hiểu nghệ thuật nghị luận**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Thảo luận nhóm nhỏ trong bàn, hoàn thành PHT số 04 trong thời gian 05 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công.  - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi đại diện một số HS phát biểu lần lượt các yếu tố nghệ thuật nghị luận.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chuẩn hóa kiến thức. | **3. Nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả thể hiện qua văn bản**   * **Cách đặt vấn đề sắc sảo:** lựa chọn một tác phẩm cụ thể (*Thằng quỷ nhỏ*) - tác phẩm chứa đựng cái nhìn, góc độ tiếp cận mới mẻ và đầy nhân văn về một “tồn tại khác”, từ đó đặt vấn đề về phẩm chất của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi.   - **Cách tổ chức luận điểm**: VB được tổ chức thành ba luận điểm, có sự kết nối lô-gíc, chặt chẽ. Trong phần đầu, tác giả phân tích trường hợp tác phẩm *Thằng quỷ nhỏ*. Phần (2) mở rộng lí giải về “tồn tại khác” dưới góc nhìn của các khoa học liên ngành: nhân học, văn hoá học, sau đó soi chiếu trở lại vào “tồn tại khác” trong văn học. Phần (3) vừa nâng cao vấn đề, vừa nêu lên các đề xuất có tính kết nối với thực tiễn sáng tác văn học thiếu nhi.  - **Cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng**:  + Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng đều hướng đến làm sáng tỏ ý kiến, luận điểm của tác giả.  + Lí lẽ của tác giả có xu hướng đối thoại với các quan điểm truyền thống, vừa diễn giải, vừa lí giải để độc giả hiểu được vấn đề nghị luận. Bằng chứng được lựa chọn phù hợp, sử dụng nhiều cách đưa bằng chứng khác nhau khiến bài viết thêm phong phú.  - **Ngôn ngữ diễn đạt**: trong sáng, khúc chiết. | |

**2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT  **1. Nghệ thuật**  - Lập luận chặt chẽ, lô gic  - Cách nêu luận đề, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.  - Ngôn ngữ trong sáng, khúc chiết.  **2. Nội dung**  - Mang đến quan điểm mới mẻ về nhân dạng con người.  - Đem đến bài học cho người nghệ sĩ khi chọn viết tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Thực hành bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:**

1. Vẽ sơ đồ tư duy về hệ thống luận điểm trong văn bản.

2.Viết kết nối với đọc

Đề bài: “Không nên biến những nhân vật trong các tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo.” (Trần Văn Toàn)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 7-9 câu) chia sẻ suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** GV mời 1 cá nhân lên bảng vẽ sơ đồ tư duy. Các HS bên dưới tự vẽ vào vở.

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn. Lưu ý triển khai luận điểm bằng các lí lẽ và bằng chứng minh hoạ. HS huy động các tri thức về nhân vật trong tác phẩm văn học thiếu nhi để trả lời.

Gợi ý: HS có thể trả lời các câu hỏi sau để tìm ý cho đoạn văn:

+ *Tìm một vài biểu hiện không hoàn hảo của các nhân vật trong các TPVH thiếu nhi.*

*+ Việc xây dựng những nhân vật hoàn hảo khiến tác phẩm có giới hạn gì?*

*+ Việc xây dựng những nhân vật thiếu nhi không hoàn hảo có tác dụng gì?*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một số HS đoạn văn (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.

- Học sinh tự đánh giá đoạn văn qua bảng kiểm mà GV cung cấp.

**Đoạn văn tham khảo:**

Em đồng tình với ý kiến của tác giả Trần Văn Toàn: “Không nên biến những nhân vật trong các tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo.” Chúng ta có thể thấy trong thế giới nhân vật của tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi, có rất nhiều nhân vật không hoàn hảo: có thể là sự không hoàn hảo về hình dáng hoặc về tâm hồn, tính cách với muôn vàn biểu hiện như tốt bụng nhưng lại xấu xí về ngoại hình; đẹp đẽ về vẻ ngoài nhưng lại nhỏ nhen, ích kỉ; tốt bụng nhưng đôi lúc chưa thực sâu sắc;... Đó là chủ đích xây dựng nhân vật của các nhà văn. Bởi nếu xây dựng những nhân vật hoàn hảo sẽ khiến bạn đọc nhỏ tuổi có cái nhìn chưa toàn diện, đầy đủ về con người trong cuộc sống với sự phong phú của những khác biệt. Việc xây dựng những nhân vật thiếu nhi không hoàn hảo sẽ giúp những bạn đọc nhỏ tuổi hiểu được cần phải tôn trọng những khác biệt trong cuộc sống, từ đó sẽ đánh thức và nuôi dưỡng tình yêu thương trong mỗi người. Mỗi một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi cần đặt ra những vấn đề để người đọc khơi ngợi những suy ngẫm trong lòng người đọc, để từ đó hình thành môt sự tự điều chỉnh, tự giáo dục trong mỗi bạn đọc nhỏ tuổi.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Chia sẻ theo kĩ thuật **Think – pair – share** với chủ đề: *Ý nghĩa của sự tôn trọng những khác biệt.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân, chia sẻ cặp đôi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** GV gọi một số HS trình bày trước lớp ý kiến của mình theo kĩ thuật 1 phút.

- Các HS khác lắng nghe, tham gia hoạt động thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV kết luận, nhận định về các ý kiến, nhận xét về cách HS thực hiện thảo luận.

**Gợi ý sản phẩm**

\* **HS chia sẻ về ý nghĩa của sự tôn trọng những khác biệt:**

+ Mỗi người là một cá thể riêng biệt, có suy nghĩ, cách đánh giá, có cá tính riêng. Mỗi vùng miền, mỗi quốc gia, dân tộc có nét đặc sắc riêng về văn hóa. Sự khác biệt có thể làm cho cuộc sống phong phú, ý nghĩa hơn. Tôn trọng sự khác biệt là văn hóa ứng xử cần có của mỗi người, đặc biệt trong xã hội hiện đại ngày nay.

+ Tôn trọng sự khác biệt giúp con người hòa nhập với cuộc sống, gắn kết những mối quan hệ tốt đẹp.

+ Tôn trọng sự khác biệt giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về cuộc sống, học được cách lắng nghe, đồng cảm, từ đó hoàn thiện bản thân mình hơn. Người biết tôn trọng người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng.

+ Tôn trọng sự khác biệt sẽ góp phần tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân, xã hội.

+ **Mở rộng vấn đề:** Phê phán thái độ kì thị, phân biệt đối xử, thái độ và hành vi không đúng trước những sự khác biệt. Mặt khác cần thấy rằng sự khác biệt cần hướng đến phát huy giá trị của bản thân và đóng góp cho cộng đồng, thể hiện cá tính của bản thân chứ không phải sự lập dị, sống khác người.

RÚT KINH NGHIỆM

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 50: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN TÀI LIỆU**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù: HS biết cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

*2. Phẩm chất*

- HS có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  PP vấn đáp: *Em hiểu “đạo văn” là gì? Hãy nêu tác hại và đề xuất cách khắc phục hiện tượng này.*  **Yêu cầu:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Dự kiến câu trả lời của HS:**  - Đạo văn là chiếm hữu một cách sai trái, ăn cắp suy nghĩ, ý tưởng hoay cách diễn đạt của người khác và xem đó là những gì do mình tạo ra. Hành vi này có thể do vô tình hoặc do cố ý.  - Tác hại của đạo văn:  + Ảnh hưởng đến uy tín của bản thân, bị người khác nghi ngờ về tính trung thực.  + Có thể bị xử phạt tùy theo mức độ vi phạm.  - Đề xuất cách phòng tránh việc đạo văn:  + Luôn ghi rõ nguồn gốc tài liệu mà mình tham khảo.  + Trích dẫn tài liệu đúng cách khi tham khảo: cần để phần trích dẫn trong ngoặc kép nếu trích dẫn trực tiếp; nếu trích dẫn gián tiếp thì vẫn phải ghi đầy đủ nguồn trích dẫn. |

**=> GV kết nối, dẫn vào bài mới:** Để triển khai vấn đề một cách toàn diện, sâu sắc hơn, ta có thể tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau. Tuy nhiên, khi tham khảo tài liệu, ta cần biết cách trích dẫn tài liệu theo đúng quy định để tránh đạo văn.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS biết cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Đọc mục **Tri thức ngữ văn** (tr 88/ SHS) và bảng *Một số lưu ý về cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu* (tr 100/SHS). Thảo luận cặp đôi để hoàn thành **Phiếu số 01**:   |  |  | | --- | --- | | 1. Mục đích của việc tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau | .......... | | 2. Những cách trích dẫn tài liệu tham khảo. | ......... | | 3. Những lưu ý khi trích dẫn tài liệu tham khảo. | ......... |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1- 2 cặp đôi trả lời miệng, trình bày kết quả.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chuẩn hóa kiến thức. | I. LÝ THUYẾT  **Cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu:**   |  |  | | --- | --- | | 1. Mục đích của việc tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau | Mục đích: Nhằm tiếp cận vấn đề một cách toàn diện và sâu sắc. | | 2. Những cách trích dẫn tài liệu tham khảo. | Hai cách:  + Cách dẫn tài liệu trực tiếp  + Cách dẫn tài liệu gián tiếp. | | 3. Những lưu ý khi trích dẫn tài liệu tham khảo. | Khi dẫn tài liệu tham khảo cần lưu ý:  + Nêu rõ tác giả của ý kiến và xuất xứ của tài liệu.  + Truyền tải trung thực nội dung ý tưởng và thông tin được trích dẫn. | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**

* HS nhận biết được cách trích dẫn tài liệu đúng quy định.
* HS nhận biết được các dấu hiệu cho thấy người viết tuân thủ quy định khi tham khảo tài liệu và trích dẫn.
* HS biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

**b. Sản phẩm:** HS thực hiện các bài tập trong SGK.

**c. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Bài tập 1:** Làm việc cá nhân.  **- Bài tập 2:** Thảo luận theo cặp đôi  **- Bài tập 3:** Thảo luận theo nhóm nhỏ trong bàn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu mà GV đã phân công.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện HS/ đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | II. THỰC HÀNH  **1. Bài tập 1 (Tr 100/SHS)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Cách trích dẫn tài liệu đúng quy định** | **Dấu hiệu nhận biết cách trích dẫn đúng quy định** | | **a** | Cách 2 | Tác giả đã tuân thủ các quy định về cách dẫn trực tiếp: đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép và ghi chú tên tác giả. | | **b** | Cách 1 | Tác giả đã tuân thủ các quy định về cách dẫn trực tiếp: đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép và ghi chú tên tác giả. |   **2. Bài tập 2 (Tr 101/SHS)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đoạn trích** | **Phần tham khảo và trích dẫn tài liệu đúng quy định** | **Dấu hiệu nhận biết cách trích dẫn đúng quy định** | | **a** | “*ở giữa dòng mà nói vọng vào: - [...] thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”; “trong chốc lát bóng nàng loang loáng mở nhạt dần mà biến đi mất”.* | Tác giả đã đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép. | | **b** | *Những cô hàng xén răng đen*  *Cười như mùa thu tỏa nắng*  (*Bên kia sông Đuống*) | Tác giả đã ghi rõ nguồn của hai câu thơ: *Những cô hàng xén răng đen/ Cười như mùa thu toả nắng* (trong bài thơ *Bên kia sông Đuống* của tác giả Hoàng Cầm). | | **c** | *“Đọc “Hai đứa trẻ”, thấy bận bịu vô hạn về một tấm lòng quê hương êm mát và sâu kín.” (Nguyễn Tuân, “Thạch Lam”, trích lại trong “Thạch Lam, văn và đời”).* | Tác giả đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép, ghi rõ tên tác giả, tác phẩm trích dẫn trong ngoặc đơn bên cạnh. |   **=> Rút ra bài học trong việc tham khảo và trích dẫn tài liệu:**  - Tuỳ vào mục đích viết và tính chất của kiểu VB, người viết có thể trích dẫn theo nhiều cách và nêu nguồn trích dẫn với các mức độ cụ thể khác nhau.  - Nêu rõ tác giả và xuất xứ của nguồn tài liệu.  - Truyền tải trung thực nội dung ý tưởng và thông tin được trích dẫn  **3. Bài tập 3 (Tr 100/SHS)**  Việc không dẫn nguồn tài liệu khi dùng lời hoặc ý của người khác bị coi là đạo văn. Điều này khác với việc trích dẫn theo cách gián tiếp, vì khi trích dẫn gián tiếp, phần dẫn không đặt trong dấu ngoặc kép nhưng người viết vẫn nêu rõ tên tác giả và xuất xứ của phần trích dẫn. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Vận dụng cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu để viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 10 - 12 câu) nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc xác định mục tiêu trong cuộc sống.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn.
* HS viết đoạn văn 🡪 Đọc lại 🡪 Chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá và cho điểm.

**Đoạn văn tham khảo:**

*“Hai ngày quan trọng nhất của cuộc đời là ngày bạn được sinh ra và ngày bạn biết được vì sao mình có mặt ở trên đời”* (Mark Twain). Để cuộc đời mỗi người thực sự có ý nghĩa thì chúng ta cần phải xác lập được mục tiêu cuộc đời, nhất là trong những năm tháng thanh xuân. Nếu ví cuộc đời mỗi người là một con tàu thì mục tiêu chính là bánh lái của con tàu đó, giữ cho con tàu luôn thăng bằng để vượt qua mọi phong ba bão táp. Việc xác định được mục tiêu giúp mỗi người biết mình cần làm gì, nắm rõ hướng đi của chính mình, từ đó đề ra kế hoạch phù hợp để thực hiện. Xác

định mục tiêu rõ ràng sẽ giúp ta nuôi dưỡng đam mê, có thêm niềm tin và sức mạnh để mạnh mẽ đương đầu với những khó khăn, thử thách, vươn lên và hướng tới những gì tươi sáng nhất, chinh phục mọi kế hoạch đã đặt ra. Khi xác định được mục tiêu cuộc đời mình theo từng giai đoạn ngắn hạn hoặc dài hạn sẽ giúp khơi dậy những khả năng vốn ngủ say trong ta, phát huy hết sức mạnh nội tại, tiềm ẩn, giúp ta trở thành một con người ưu tú; hướng ta tới một lối sống tích cực và có giá trị. Xác định được mục tiêu sẽ giúp ta kết nối với những người cùng chí hướng, sẽ giúp truyền cảm hứng cho những người khác, khiến họ cũng trở nên sống có hoài bão và lí tưởng hơn. Nếu mỗi người đều biết cách đặt ra mục tiêu rõ ràng và phấn đấu thực hiện, sống và cống hiến hết mình thì xã hội sẽ phát triển, tiến bộ nhanh chóng. “*Một mục tiêu đã đặt ra đúng là đã đạt được nửa chặng đường”* (Zig Ziglar). Ngay bây giờ, mỗi chúng ta hãy xác lập mục tiêu đúng đắn cho chính mình và theo đuổi nó đến cùng.Đó là cách để chúng ta sống một cuộc đời rực rỡ và có ý nghĩa.

RÚT KINH NGHIỆM:

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 51,52: VĂN BẢN 3: NGÀY XƯA**

*Vũ Cao*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- Kết nối chủ đề *Khám phá vẻ đẹp văn chương,* HS hiểu được có nhiều con đường để khám phá vẻ đẹp văn chương, có thể bằng những bài bình luận, phân tích, nhưng cũng có thể bằng những sáng tác nghệ thuật mang tính hình tượng.

- HS củng cố kĩ năng đọc hiểu thơ.

*2. Phẩm chất*

Nuôi dưỡng tình yêu văn chương, đam mê việc khám phá vẻ đẹp các tác phẩm văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**- Cách 1**: Tổ chức cho HS tập ngâm *Truyện Kiều*: GV chọn 1 đoạn trích trong *Truyện Kiều* để mời 2 HS ngâm thơ.

**- Cách 2**: Xem video những đoạn ngâm Kiều hoặc những đoạn hát ru bằng Truyện Kiều.

https://www.youtube.com/watch?v=WpyORBCj8\_I

HS nghe và chia sẻ cảm nhận về những đoạn ngâm/ hát ru đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**=> GV dẫn vào bài mới**: Các em thân mến! Kiệt tác Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du đã được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả. Tác phẩm có sức sống lâu bền trong lòng dân tộc còn bởi các hình thức dân gian như bói Kiều, vịnh Kiều, lẩy Kiều, ngâm Kiều, hát ru Kiều,... Đây đều là những cách thức khám phá vẻ đẹp tác phẩm *Truyện Kiều* (Nguyễn Du).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu các kiến thức chung về tác giả và văn bản.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin để tìm hiểu về tác giả Vũ Cao và văn bản *Ngày xưa.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn đọc văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: đọc với giọng trữ tình, nhẹ nhàng, có thể thay đổi giọng đọc ở các câu thơ thể hiện lời của nhân vật để tạo điểm nhấn.  - GV gọi 01 HS đọc VB. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG  **1. Đọc văn bản** |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS nêu những hiểu biết về tác giả Vũ Cao qua phần chuẩn bị ở nhà.  - Trao đổi theo cặp đôi, hoàn thành PHT số 01 sau:   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tìm hiểu** | **Trả lời** | | 1. Thể thơ | ................. | | 2. Nhân vật trữ tình | ................ | | 3. Nội dung chính | ................ |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn. * GV quan sát, động viên.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS lần lượt trả lời các câu hỏi. * Các HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.   **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức | **2. Tác giả Vũ Cao**  Vĩnh biệt nhà thơ Vũ Cao: Một Núi Đôi đã khuất   * Vũ Cao (1922 - 2007) quê ở Nam Định. * Thơ ông viết về đề tài kháng chiến, hình ảnh thơ trẻ trung, tươi mới, giàu cảm xúc.   **3. Văn bản *Ngày xưa***  - **Thể thơ**: thơ lục bát  - **Nhân vật trữ tình**: Nhân vật *tôi*  **- Khát quát nội dung chính:** Nói về sức sống của tác phẩm *Truyện Kiều* trong lòng hậu thế. |

**2. Hoạt động 2.2. Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu :**

- Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản thơ.

- Hiểu được tính chất kết nối chủ đề của văn bản.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Phiếu học tập 2.1: Tìm hiểu những cách tiếp nhận và sức sống của Truyện Kiều1. Tìm hiểu những cách tiếp nhận Truyện Kiều được nói tới trong bài thơ: | |
| Chủ thể tiếp nhận | Cách tiếp nhận |
| Nhân vật “mẹ tôi” | ........................................................... |
| Nhân vật “tôi” | .......................................................... |
| Nhân vật em bé | .......................................................... |
| 2. Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về sức sống của Truyện Kiều trong lòng người dân Việt Nam:.................................................................................................................................................................................................................................................................................... | |

|  |  |
| --- | --- |
| Phiếu học tập 2.2: Tìm hiểu về những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ | |
| Phương diện nghệ thuật | Nhận xét |
| 1. Thể thơ | ...................................... |
| 2. Ngôn từ, hình ảnh | .................................... |
| 3. Cách tổ chức, sắp xếp ý thơ | .................................... |
| 4. Các phương diện khác (nếu có) | .................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Câu hỏi:** *Bà ru cháu bằng những câu Kiều, mặc dù cháu còn rất nhỏ, chưa thể hiểu được. Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số HS trả lời.  - Các HS khác lắng nghe, giải thích.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chuẩn kiến thức. | II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT  **1. Mục đích bà hát ru cháu bằng những câu Kiều**   * Bà ru cháu bằng *Truyện Kiều* không phải vì nghĩ là cháu có thể hiểu được lời ru, mà chỉ là để đưa cháu vào giấc ngủ. Điều đó cho thấy *Truyện Kiều* đã phát huy hiệu quả về mặt giai điệu, nhạc tính.   *“Con tôi đôi má tròn đầy*  *Lại ngon giấc ngủ thơ ngây chiều chiều”*   * Ngoài việc ru cháu ngủ, đó còn là cách bà thưởng thức *Truyện Kiều*, đồng cảm với những điều được nói đến trong tác phẩm, và thậm chí là thông qua những câu Kiều đó để giãi bày một nét tâm trạng nào đó của mình:   *“Bâng khuâng mẹ nói một điều:*   * *Nghĩ mà thương phận cô Kiều ngày xưa...”* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:  - Hoàn thành **Phiếu học tập 2.1**; **2.2** theo kĩ thuật Khăn trải bàn.  **+ Nhóm 1, 2:** Những cách tiếp nhận và sức sống của Truyện Kiều**(Phiếu học tập 2.1)** + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (Phiếu học tập 2.2)GV phát PHT riêng cho từng nhóm. - Thời gian thảo luận: 05 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.  - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, thảo luận.  + Nhóm 1 thuyết trình, nhóm 2 phản biện  + Nhóm 3 thuyết trình, nhóm 4 phản biện  + Các nhóm bổ sung ý kiến (dù không cùng nhiệm vụ)  GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các các nhóm và cho điểm. | **2. Những cách tiếp nhận *Truyện Kiều***  - **Đối với “mẹ tôi”:** Truyện Kiều khơi gợi niềm đồng cảm, xót thương: “*Nghĩ mà thương phận cô Kiều ngày xưa*”. Trước lời nói của người con, tuy bà “chẳng trả lời”, nhưng qua việc hát ru, có thể thấy với bà, *Truyện Kiều* có thể đưa em bé vào giấc ngủ qua giai điệu, nhạc tính.  - **Đối với “tôi”:** Truyện Kiều vô cùng sâu sắc, và đặc biệt là những câu thơ đã có từ xưa, có một khoảng cách rất xa so với đứa trẻ, nên trẻ con không thể hiểu được.  *“Tôi rằng: cháu hiểu làm sao*  *Những câu thơ tự thuở nào, mẹ ơi!”*  - **Đối với em bé:** Qua lời ru của bà, em bé tiếp nhận một cách vô thức giai điệu của *Truyện Kiều*.  **3. Sức sống của Truyện Kiều trong lòng người dân Việt Nam**  **-** *Truyện Kiều* đã đi vào đời sống của người dân Việt Nam thông qua nhiều hoạt động phong phú, trong đó có việc hát ru.  + *Truyện Kiều* qua lời ru đã tác động đến thế giới tâm hồn của trẻ thơ. Nó vừa mang lại cho trẻ những giai điệu êm đềm, vừa giúp trẻ thẩm thấu được ngôn từ một cách tự nhiên.  + Truyện Kiều đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống tinh thần của người bà - một người có nhiều trải nghiệm về cuộc sống, để bà ru cháu với tất cả nỗi niềm yêu thương, đồng cảm cho thân phận nàng Kiều.  - Việc *Truyện Kiều* được tiếp nhận từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ mẹ sang con, từ con đến cháu chứng tỏ sức sống của tác phẩm trường tồn theo thời gian, luôn sống mãi trong lòng người dân Việt Nam.  **4. Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ**  **-** Thể thơ lục bát có sử dụng yếu tố tự sự 🡪 tạo nên ít nhiều sự đồng vọng bắt nối với *Truyện Kiều* về mặt âm hưởng.  - Ngôn từ, hình ảnh thơ giản dị, gần gũi.  - Cách tổ chức, sắp xếp ý của bài thơ: có sự đan xen những câu “kể”, “dẫn dắt” của người con và những câu Kiều được trích dẫn nguyên vẹn. Ngoài ra còn có sự xuất hiện của một người tiếp nhận lặng lẽ - đứa cháu. 🡪 Cách tổ chức này khiến bài thơ trở nên sinh động, nhiều giọng điệu, nhiều cái nhìn, giàu sức gơi. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Thực hành một số bài tập củng cố kĩ năng đọc hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:**  **1**. Qua bài thơ *Ngày xưa* (Vũ Cao), em có thêm suy nghĩ gì về cách tiếp nhận tác phẩm văn chương so với văn bản 1, văn bản 2?  **2**. Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu suy nghĩ của em về sức sống của *Truyện Kiều* trong thời đại ngày nay.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS làm việc cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm.  Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Nhiệm vụ 1:**  - VB 1, VB 2 là hai VB nghị luận giúp người đọc hiểu được con đường, cách thức khám phá vẻ đẹp văn chương của nhà nghiên cứu, phê bình văn học.  - VB 3 là một bài thơ kết nối về chủ đề cho thấy một tác phẩm văn chương có thể được tiếp nhận khác nhau bởi những đối tượng có hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm khác nhau.  **Nhiệm vụ 2:** HS dựa vào mục 3 phần Khám phá văn bản để tự viết đoạn văn thể hiện suy nghĩ riêng của bản thân về sức sống của *Truyện Kiều*.  Gợi ý  **- *Truyện Kiều*** gắn liền với đời sống của người Việt. *Truyện Kiều* đã đi sâu vào tiềm thức của người Việt, được thuộc nằm lòng, được diễn xướng, được chuyển thể thành nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau. *Truyện Kiều* lắng vào "tiếng ru" của bà, là những câu chuyện giữa bà và mẹ. Các nhân vật và câu thơ trong Truyện Kiều được sử dụng như những thành ngữ, điển tích trong đời sống thường ngày.  - Ngày nay, vì khoảng cách thời gian nên việc tiếp nhận Truyện Kiều của thế hệ trẻ ngày nay có phần hạn chế hơn so với các thế hệ trước. Tuy nhiên, Truyện Kiều mãi là kiệt tác, là một biểu tượng văn hóa và là niềm tự hào của người dân Việt Nam. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

### a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Chọn một trong hai hình thức sau:

1. Hãy tưởng tượng và kể lại cuộc gặp của em với nhà thơ N. Du để chia sẻ về tác phẩm *Tr.Kiều*

**2.** GV yêu cầu HS tìm hiểu những cách tiếp nhận *Truyện Kiều* khác và lựa chọn một cách để thể hiện.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIỆM

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 53,54,55**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC ( TRUYỆN)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết và hiểu được những yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện.

- Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó; có hiểu

biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn VB của người khác.

*2. Phẩm chất*

- Biết trân trọng những sáng tác của các tác giả.

- Biết lập luận chặt chẽ và thể hiện những rung cảm của bản thân khi chiếm lĩnh tác phẩm văn học.

- Bồi đắp tình yêu văn học; nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1**: HS chia sẻ nhanh ấn tượng sâu sắc về một tác phẩm truyện (truyện hiện đại, truyện truyền kì, truyện thơ Nôm) mà HS đã đọc mở rộng theo yêu cầu của GV.  (Gợi ý: Có thể chia sẻ một trong các khía cạnh về đề tài, chủ đề, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu, bài học rút ra cho bản thân,...).  **Cách 2**: Đuổi hình bắt chữ  **Yêu cầu**: GV yêu cầu HS lần lượt quan sát các hình ảnh và cho biết mỗi hình ảnh gợi cho chúng ta nhớ tới tác phẩm truyện hoặc đoạn trích truyện nào đã học?   |  |  | | --- | --- | | Chiếc lá cuối cùng” không bao giờ biến mất | Báo Pháp luật Việt Nam điện tử | Soạn bài Lặng lẽ Sa Pa | Hay nhất Soạn văn 8 Kết nối tri thức | | **Hình 1** | **Hình 2** | | Kể lại Chuyện người con gái Nam Xương theo cách của em siêu hay (7 mẫu) -  Văn 9 | Làng quê ở Hà Tĩnh tự hào mỗi ngày "mở cửa đã thấy nàng Kiều” | | **Hình 3** | **Hình 4** | | **Cách 1**: HS chia sẻ về tác phẩm truyện đã đọc.  **Cách 2:**  - **Hình 1**: *Chiếc lá cuối cùng* (O.Hen-ry)  - **Hình 2**: *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long)  - **Hình 3**: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  - **Hình 4**: Đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ* (trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du) |

**GV dẫn vào bài mới:** Ở những lớp dưới và trong bài 1, 3, các em đã được khám phá vẻ đẹp của các tác phẩm truyện bao gồm truyện ngắn hiện đại, truyện truyền kì, truyện thơ Nôm. Mỗi tác phẩm chứa đựng những vẻ đẹp riêng, độc đáo về nội dung tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật. Phần Viết hôm nay sẽ hướng dẫn các em cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS nhận biết và hiểu được những yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện)**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Theo dõi SHS/ tr103, cho biết:  *? Bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi một số HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | I. LÝ THUYẾT  **1. Yêu cầu của kiểu bài**  - Giới thiệu khái quát tác phẩm truyện cần phân tích (nhan đề, tác giả, thể loại), nêu nhận xét chung về tác phẩm.  - Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.  - Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ người kể chuyện, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu,...) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.  - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ thuyết phục, bằng chứng xác đáng để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.  - Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  **\*Lưu ý:**  **+** Phân tích tác phẩm truyện không phải là kể lại nội dung hay diễn xuôi tác phẩm theo ý hiểu của mình, mà cần nêu được luận đề, biết cách tạo lập luận điểm hướng vào trọng tâm vấn đề nghị luận; triển khai luận điểm bằng các lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục.  + Khi phân tích tác phẩm truyện, cần bám sát đặc trưng của thể loại truyện nói chung và cả đặc trưng của từng thể loại truyện cụ thể. |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo, lưu ý các thẻ chỉ dẫn để xác định bố cục.  - HS thảo luận theo bàn, hoàn thành **Phiếu học tập 01 sau:**   |  | | --- | | **PHIẾU HT 01:** **Phân tích bài viết tham khảo** | | 1. Xác định bố cục của bài viết.  2. Phần *Mở bài* của bài viết tham khảo giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nêu nhận xét khái quát vể tác phẩm như thế nào?  3. Phần *Thân bài* trình bày những luận điểm nào?  + Phần nào trong bài viết tham khảo phân tích nội dung chủ đề của truyện “Lặng lẽ Sa Pa”? Qua phần phân tích ấy, em nhận ra nội dung chủ đề của truyện là gì?  + Phần nào phân tích các yếu tố đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện? Các yếu tố hình thức nghệ thuật nào được lựa chọn khai thác?  3. Phần *Kết bài* có vai trò gì?  4. Em có nhận xét gì về cách tổ chức luận điểm trong bài viết tham khảo? Đó có phải là cách tổ chức luận điểm duy nhất cho vấn đề đặt ra trong bài viết này không? Hãy thử đề xuất một cách triển khai luận điểm khác cho bài viết tham khảo này.  5. Em có nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và cách lựa chọn, trình bày bằng chứng của bài viết tham khảo? |   - Qua việc phân tích bài viết tham khảo, em học hỏi được gì trong việc viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận trong bàn.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số bàn phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chốt lại và tổng kết vấn đề.  GV có thể dùng sơ đồ để minh họa dàn ý của bài viết. | **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bài viết tham khảo:** *Nốt nhạc trầm trên đỉnh non cao* **(**Nhóm biên soạn)  **\*Bố cục bài viết:**  **Mở bài:** ***Đoạn 1*** **đã giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu nhận xét khái quát về tác phẩm.**  - Giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa”.  - Nêu nhận xét khái quát về tác phẩm: “*Truyện có sức hấp dẫn bởi tình huống truyện độc đáo, nhân vật được xây dựng bằng bút pháp lí tưởng hóa, không khí truyện thấm đẫm chất thơ, ẩn chứa những thông điệp sâu xa*”.  **Thân bài:**  - **Các đoạn 2 - 6:** phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm  + Sự cống hiến, hi sinh lặng thầm của những con người lao động bình dị.  + Những suy ngẫm của nhà văn về giới hạn của nghệ thuật trước cuộc đời.  - **Đoạn 7:** Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện: nghệ thuật kể chuyện độc đáo với tình huống bất ngờ; nghệ thuật tạo dựng không khí truyện; ngôn ngữ tinh tế, đầy chất trữ tình, dụng ý trong cách không đặt tên nhân vật.  **Kết bài (Đoạn 8):** Khẳng định giá trị và ý nghĩa của tác phẩm.  **\* Cách tổ chức luận điểm**: rõ ràng, mạch lạc.  Có thể tổ chức theo cách khác.  **\* Cách sử dụng lí lẽ**, bằng chứng: Hệ thống lí lẽ rất chặt chẽ, mạch lạc; bằng chứng tiêu biểu, bám sát lí lẽ và chủ đề bài viết.  **\*Những điều học hỏi được từ bài viết tham khảo**:  + Cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nêu nhận xét khái quát về tác phẩm.  + Cần làm rõ được nội dung chủ đề tác phẩm.  + Cần phân tích được đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.  + Cần triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ và bằng chứng xác đáng.  + Cần khẳng định được giá trị của tác phẩm,... |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS về quy trình viết bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS đọc lướt các bước trong quy trình viết (SHS/ tr. 106 - 108), sau đó, thảo luận trong bàn về những thao tác cần làm và lưu ý trong từng bước.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thảo luận trong bàn.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số bàn phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **3. Quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết** | *Xác định đề tài*  - Chọn thể loại truyện: truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện ngắn hiện đại.  - Lựa chọn phân tích toàn bộ tác phẩm (đối với truyện có dung lượng ngắn/vừa phải) hoặc chỉ phân tích một đoạn trích, một khía cạnh tiêu biểu. | Đề tài phù hợp với yêu cầu của đề bài. | | *Xác định mục đích viết, người đọc*  *- Mục đích:* Phân tích để làm rõ chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện.  *-* Người đọc: Những người quan tâm đến thể loại truyện và có nhu cầu tìm hiểu sâu hơn về tác phẩm được phân tích. | *...* | | *Thu thập tư liệu*  - Những ghi chép của bản thân sau khi đọc tác phẩm (giấy ghi chú, nhật kí đọc, sản phẩm sáng tạo,…)  - Những bài phê bình, phỏng vấn, tư liệu báo chí,…liên quan đến tác phẩm. | Cần thu thập tư liệu từ các nguồn tài liệu tin cậy, uy tín. | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** | ***Tìm ý:*** Hãy tìm ý bằng cách trả lời những câu hỏi sau:  - Nội dung chủ đề của tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là gì? Có thể phân tích chủ đề ấy như thế nào?  -Tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có những nét đặc sắc gì về nghệ thuật? Những nét đặc sắc đó đem đến hiệu quả thẩm mĩ như thế nào?  - Tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có giá trị, ý nghĩa gì? | *...* | | ***Lập dàn ý****:* Chọn lọc và sắp xếp các ý vừa tìm được thành dàn ý hoàn chỉnh. Có thể tổ chức theo nhiều cách khác nhau. Gợi ý:  **Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm truyện và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  **Thân bài:**  - Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm truyện  (Phân tích hiện thực đời sống; hình tượng con người; tư tưởng, tình cảm của nhà văn;...), có lí lẽ và bằng chứng.  - Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (cốt truyện, ngôi kể, tình huống, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, không gian, thời gian,…) và hiệu quả thẩm mĩ của nó, có lí lẽ và bằng chứng.  **KB:** Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện. | - Khi triển khai lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm, cần tránh sự trùng lặp về ý giữa các luận điểm. Một số bằng chứng có thể dùng làm sáng tỏ cho nhiều luận điểm, nhưng với mỗi luận điểm, cách triển khai lí lẽ để phân tích, lí giải cần khác nhau.  - Không nhất thiết phải phân tích tất cả các nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm, mà nên đi sâu khai thác những yếu tố tiêu biểu thể hiện đặc trưng thể loại. | | **Bước 3: Viết bài** | *Thực hiện viết bài:* Viết bài văn dựa trên dàn ý đã lập. | Khi viết, cần đảm bảo các y/c đối với kiểu bài, bám sát đặc trưng thể loại truyện. | | **Bước 4: Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** | *Xem lại và chỉnh sửa:* Đọc lại bài viết và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm. Chỉnh sửa theo mẫu phiếu chỉnh sửa bài viết.  (xem bên dưới) | *...* | | *Rút kinh nghiệm:* Ghi lại những điều cần lưu ý về cách viết kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện): nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật. | ***...*** | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**:

+ HS xác định được yêu cầu của đề, thu thập tư liệu cho bài viết.

+ Biết tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

+ Viết được bài viết hoàn chỉnh và tự kiểm tra, chỉnh sửa lại bài viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 02: PHIẾU TÌM Ý | |
| **Gợi ý: Hãy đọc kĩ lại đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (SHS/tr 85) để xác định các phương diện nội dung chủ để và nghệ thuật cần phân tích:** | |
| **\*Thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm *Truyện Kiều*** | … |
| **\*Tìm hiểu về đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”:** | … |
| Nêu nhận xét đánh giá khái quát về đoạn trích. |  |
| Nội dung chủ đề của đoạn trích là gì? Nội dung chủ đề ấy được thể hiện qua các lí lẽ và dẫn chứng nào? | … |
| Đoạn trích có những đặc sắc gì về hình thức nghệ thuật? Em sẽ chọn phân tích kĩ lưỡng đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu nào của đoạn trích? | … |
| Nêu ý nghĩa, giá trị của đoạn trích | … |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1:** TRƯỚC KHI VIẾT  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*GV hướng dẫn HS xác định vấn đề nghị luận, mục đích viết, người đọc** HS trả lời các câu hỏi sau:  *- Xác định vấn đề nghị luận mà đề bài yêu cầu.*  *- Bài viết của em nhằm mục đích gì và em hướng tới người đọc sẽ là ai?*  \***GV hướng dẫn HS tìm ý:**  HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo **Phiếu HT số 2.**  **\*GV hướng dẫn HS lập dàn ý:**  HS sử dụng kết quả của phần Tìm ý để Lập dàn ý cho bài viết.  HS cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | II. LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC  **Đề bài: Viết bài văn nghị luận phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du).**  1. TRƯỚC KHI VIẾT  **a. Lựa chọn đề tài**  **\*Xác định vấn đề nghị luận:** phân tích đoạn trích **“**Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du).  **\*Xác định mục đích viết:** Làm rõ nội dung chủ đề và những đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích truyện thơ Nôm **“**Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du); thuyết phục người khác đồng tình với những ý kiến của em.  **\*Người đọc:** Những người quan tâm, có nhu cầu tìm hiểu sâu hơn về đoạn trích **“**Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du).  **b. Tìm ý:**  **- HS nêu nhận xét đánh giá khái quát về đoạn trích:**  Ví dụ: Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* nằm trong phần Gia biến và lưu lạc. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình, nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế, đoạn trích đã tái hiện thành công nỗi cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Kiều trong cảnh lưu lạc.  **- Nội dung chủ đề của đoạn trích:**  + Đoạn trích viết về tâm trạng xót xa đau đớn của nàng Kiều khi tha hương nơi đất khách, bị đày vào chốn lầu xanh.  + Thể hiện những phẩm chất cao đẹp của nàng Kiều. Đó là tình yêu sâu đậm với chàng Kim và chữ hiếu cao đẹp với cha mẹ .  + Đoạn trích cũng thể hiện được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả Nguyễn Du.  - **Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của đoạn trích:**  + Thể thơ lục bát với âm điệu da diết buồn thương.  + Nghệ thuật miêu diển biến tâm lí nhân vật tinh tế qua độc thoại nội tâm, qua bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc.  + Ngôn ngữ chọn lọc trang trọng mực thước, sử dụng nhiều điển tích, điển cố; sử dụng nhiều biện pháp tu từ đặc sắc.  **c. Lập dàn ý**   |  |  | | --- | --- | | **Mở bài** | - Nguyễn Du là một danh nhân văn hóa, đại thi hào của dân tộc ta. Ông đã để lại cho kho tàng văn học Việt Nam một viên ngọc tuyệt đẹp – kiệt tác “Truyện Kiều”. Tác phẩm không chỉ có giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc mà còn có những thành công đặc sắc về phương diện nghệ thuật.  - Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* gồm 24 câu thơ lục bát, nằm trong phần *Gia biến và lưu lạc* là một trong những đoạn trích tiêu biểu của *Truyện Kiều*. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình, nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế, đoạn trích đã tái hiện thành công nỗi cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Kiều trong cảnh lưu lạc.  *“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*  *[...]*  *Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*  **\* Phân tích nội dung chủ đề đoạn trích:**  **- Đoạn trích viết về tâm trạng xót xa, đau đớn của nàng Kiều khi tha hương nơi đất khách, bị đày vào** | | **Thân bài** | **chốn lầu xanh; qua đó thể hiện những phẩm chất cao đẹp của nàng Kiều**.  + **Tâm trạng của Kiều trong 6 câu thơ đầu**:  ++ Cảnh vật hiện lên ở các thời điểm khác nhau, đẹp như một bức tranh sơn dầu có trăng, có núi, lấp lánh sắc vàng của cồn cát, sắc hồng của bụi dặm xa,… nhưng gợi nên sự xa xôi, mờ ảo, hoang vắng, nhạt nhòa, thiếu hơi ấm của con người.  ++ Tâm trạng của Thuý Kiều được bộc lộ trực tiếp qua dòng thơ “*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya – Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*”. Từ láy “*bẽ bàng*” đặc tả tâm trạng xấu hổ, tủi thẹn của Kiều khi rơi vào tình cảnh nhơ nhuốc. Nhưng nỗi niềm chỉ biết sẻ chia cùng cảnh vật *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.* Lòng Thuý Kiều vốn đã buồn, giờ nhìn cảnh vật, lòng nàng càng xót xa tủi hờn.  **+ Tâm trạng của Kiều trong 8 câu giữa:** Lời đọc thoại nội tâm bộc lộ nỗi nhớ, sự lo lắng, day dứt khôn nguôi của Kiều với những người nàng yêu nhất.  ++ Đó là nỗi nhớ dành cho Kim Trọng, qua đó bộc lộ tình yêu sâu đậm, tấm lòng thủy chung của Kiều dành cho chàng Kim: “*Tưởng người dưới nguyệt ...cho phai”.*  *++* Đó là nỗi nhớ thương cha mẹ.Kiều cảm nhận thời gian đang trôi đi nhanh chóng, cha mẹ ngày một già đi mà mình không thể ở bên để phụng dưỡng. Với những ẩn dụ, những điển tích, điển cố, những câu thơ đã thể hiện nỗi lòng của người con hiếu thảo: “*Xót người tựa cửa ...vừa người ôm*”.  **+ Tâm trạng đau buồn và dự cảm về tương lai sóng gió (8 dòng cuối):** Bằng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, 4 cặp câu thơ diễn tả những lớp sóng lo âu đang trồi lên trong lòng nàng Kiều. Đó là nỗi buồn thương nhớ nhà và khao khát được trở về nhà; nỗi xót thương cho số phận của mình cùng nỗi thấp thỏm không yên khi nghĩ đến tương lai, những ngày tháng sau này không biết sẽ có điều gì đón đợi mình phía trước.  - Đằng sau lời thơ, người đọc còn thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của đại thi hào Nguyễn Du. Đó là nỗi đồng cảm, xót thương cho thân phận lưu lạc của Kiều và sự trân trọng, ngợi ca đối với những phẩm chất tốt đẹp của nàng. | | \* **Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm:**  - Thể thơ lục bát với âm điệu da diết buồn thương.  - Đoạn thơ sử dụng ít yếu tố tự sự, chủ yếu là yếu tố trữ tình. Yếu tố trữ tình thể hiện qua nghệ thuật miêu diển biến tâm lí nhân vật tinh tế đã tái hiện những cung bậc tâm trạng của nàng Kiều trong cảnh cô đơn nơi lầu Ngưng Bích. Chỉ một chi tiết về cách sắp xếp trình tự nỗi nhớ của Kiều, người đọc cũng đã thấy được tài năng bậc thầy của Nguyễn Du. Nguyễn Du để Kiều nhớ Kim Trọng (người yêu) trước rồi nhớ cha mẹ. Đó là trình tự hợp lí, bởi với cha mẹ, nàng đã gặp trước lúc cách xa, nàng cũng đã bán thân cứu cha nên vơi bớt nỗi lo và phần nào làm tròn chữ hiếu. Nhưng với người nàng thương, Kim Trọng, chàng chưa biết tin gì về gia biến nhà nàng và nàng đau đớn, day dứt vì đã không giữ được lời thề bên chàng Kim. Chi tiết đó cho thấy cô Kiều của Nguyễn Du rất chân thật, rất đời thường, rất tình.  - Nhà thơ còn sử dụng thành công bút pháp tả cảnh ngụ tình để tái hiện tâm trạng phong phú của Kiều.  + Ngôn ngữ chọn lọc trang trọng mực thước, sử dụng điển tích, điển cố như *sân Lai, gốc Tử* ; sử dụng nhiều biện pháp tu từ đặc sắc như ẩn dụ, phép điệp, phép đối,...góp phần diễn tả tâm trạng xót xa đau đớn đến tận cùng của nàng Kiều trong cảnh lưu lạc, rơi vào cảnh lầu xanh nhơ nhớp. | | **Kết bài** | **Khẳng định ý nghĩa và giá trị của đoạn trích**  Ví dụ:  Có thể khẳng định đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là một trong những đoạn trích tiêu biểu của *Truyện Kiều*, thể hiện tài năng bậc thầy của Nguyễn Du. Đọc những trang Kiều, người đọc xót xa cho thân phận bất hạnh của Kiều và thêm trân trọng một nàng Kiều chung thủy với người yêu, làm tròn chữ hiếu với cha mẹ, hi sinh bản thân mình vì người thân. Không chỉ vậy, độc giả càng hiểu hơn “tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời” của vị đại thi hào dân tộc. | |
| **Thao tác 2:** VIẾT BÀI  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SHS/tr 107 và trả lời câu hỏi:  *? Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý, em cần viết từng phần như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  \*GV yêu cầu HS trên cơ sở dàn ý đã lập thực hành viết với các yêu cầu khác nhau:  + Viết đoạn văn mở bài  + Viết đoạn kết bài  + Viết đoạn văn phát triển một ý ở thân bài  \*GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | 2. VIẾT BÀI  Dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, cần chú ý các hướng dẫn trong sgk. |
| Thao tác 3: CHỈNH SỬA BÀI VIẾT  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS sau khi viết xong bài viết sẽ kiểm tra và chỉnh sửa theo **Bảng kiểm đánh giá bài viết**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc lại bài viết và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | 3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT  - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo Bảng kiểm đánh giá bài viết. HS có thể ghi phần chỉnh sửa bài viết vào Phiếu chỉnh sửa bài viết.  - HS có thể tráo đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau. |
| Tiết 3: TRẢ BÀI | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm truyện.  - GV gọi 2 – 3 HS đọc bài viết của mình. Các HS khác căn cứ vào **bảng kiểm** để đánh giá bài viết của bạn.  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, rút ra những gì cần phát huy, chỉnh sửa hoặc bổ sung.  - GV yêu cầu các em dựa vào **bảng kiểm** để chỉnh sửa theo những điều GV vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nhận xét các bài viết được đọc qua **bảng kiểm.**  - HS tự đánh giá bài viết và chỉnh sửa bài viết của mình theo **bảng kiểm.**  - HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **a. Yêu cầu của kiểu bài**  **b. Nhận xét**  - Ưu điểm:  ………….  - Hạn chế:  …………..  **c. Chỉnh sửa và hoàn thiện**  Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm truyện và dàn ý đã lập để chỉnh sửa các phần. Việc chỉnh sửa cần chú ý các vấn đề sau:  - Nếu thiếu các thông tin giới thiệu tác giả, tác phẩm (đoạn trích) thì cần bổ sung.  - Nếu việc phân tích nội dung chủ đề và các yếu tố nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm chưa đủ rõ, chưa chính xác thì cần chỉnh sửa.  - Nếu các luận điểm chưa chặt chẽ, lí lẽ và bằng chứng chưa đạt yêu cầu, thiếu sức thuyết phục thì cần chỉnh sửa.  - Điều chỉnh dung lượng các ý để đảm bảo bài viết có bố cục hợp lí.  - Rà soát và chỉnh sửa lỗi chính tả, diễn đạt để đảm bảo chuẩn mực về ngôn ngữ. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:**

**-** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

- Tự lập dàn ý và viết bài phân tích một tác phẩm truyện khác.

**b.** **Nội dung**: Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn. Tự thực hành viết bài phân tích một tác phẩm truyện khác.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn; bài viết cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm GV cung cấp.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài phân tích một tác phẩm truyện khác mà em tự tìm đọc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.

- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIỆM

................................................................................................................................................

………………………………………………………………………………………………..

**TIẾT 56: NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỌC TỐT MÔN NGỮ VĂN)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS biết xác định vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- HS nêu được ý kiến thảo luận về vấn đề.

- Nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

*2. Phẩm chất*

- Tự tin trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- Biết lắng nghe ý kiến của bạn.

- Có ý thức vận dụng vấn đề vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | SẢN PHẨM |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1: PP vấn đáp**  ? *Khi trình bày ý kiến của bản thân về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống, để phần trình bày của mình thuyết phục, em dự định sẽ sử dụng những phương tiện nào?*  *? Để một buổi thảo luận thành công, theo em, những người tham gia thảo luận cần tôn trọng những nguyên tắc nào?*  **Cách 2: Chia sẻ 1 phút**  - Vì sao em cần học môn Văn?  - Hãy chia sẻ về một lần em bị điểm kém môn Văn và nêu nguyên nhân.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi. * GV động viên, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày ý kiến.  - Các HS khác góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Cách 1:**  *-* Khi trình bày ý kiến của bản thân về một vấn đề đời sống, HS có thể sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ (lời nói) với các phương tiện hỗ trợ (tranh, ảnh, video,…) và các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt,...)  - Để một buổi thảo luận thành công, những người tham gia thảo luận cần tôn trọng những nguyên tắc sau:  + Mỗi người tham gia cần tích cực đưa ra ý kiến của bản thân, trao đổi với những người còn lại.  + Lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác về vấn đề thảo luận.  + Có thái độ phù hợp, hoà nhã và lịch sự trong khi thảo luận, trao đổi.  …  **Cách 2:** HS chia sẻ. |

**GV dẫn vào nội dung bài học:**

Môn Ngữ văn vừa là một môn học công cụ, vừa là môn học mang tính thẩm mĩ – nhân văn. Học tốt môn Văn sẽ giúp các em phát triển các năng lực chung và các năng lực đặc thù gắn liền với môn học. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tập trung thảo luận vấn đề làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn, từ đó sẽ có được tâm thế tích cực, chủ động trong học tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được nội dung thảo luận và các lưu ý khi thảo luận

**b. Nội dung**: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | SẢN PHẨM |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi?*  *+ Để tham gia thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi, các em cần chú ý những gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Tìm hiểu chung về quy trình thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi**  **1.**  Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi là cùng chia sẻ, trình bày ý kiến cá nhân về vấn đề được nêu ra; đồng thời, lắng nghe, trao đổi lại với ý kiến của người khác để đi đến hiểu biết đầy đủ, toàn diện hơn về vấn đề đó.  **2. Yêu cầu chung:** Để tham gia thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi, các em cần:  - Thành lập nhóm, phân công người điều hành (chủ trì) và thư kí.  - Xác định vấn đề thảo luận.  - Xác định mục đích thảo luận và người nghe  - Xác định quy mô và thời gian thảo luận:  - Mỗi thành viên tham gia thảo luận cần chuẩn bị ý tưởng và nội dung thảo luận, chuẩn bị dàn ý cho phần trình bày ý kiến của bản thân, tránh viết thành văn để đọc.  - Thống nhất nguyên tắc thảo luận:  + Các thành viên tham gia thảo luận tuân thủ sự điều hành của người chủ trì.  + Phát biểu ngắn gọn, rõ ràng, không lặp lại ý của người nói trước.  + Người nghe cần tôn trọng, lắng nghe, không ngắt lời người nói.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,…và máy chiếu, màn hình (nếu có). |

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

**a) Mục tiêu:**

**-** Biết thảo luận để đi đến hiểu biết đầy đủ, toàn diện hơn về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi: *Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*

- HS biết cách phân công nhiệm vụ trong nhóm, các thành viên chuẩn bị các nội dung thảo luận, hiểu được mục tiêu buổi thảo luận.

- Luyện kĩ năng nói và làm việc nhóm cho từng HS .

- Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

**b)** **Nội dung:**

- GV phân chia HS thành nhóm nhỏ.

- Nhóm trưởng điều khiển buổi thảo luận, đảm bảo từng thành viên đều được phát biểu ý kiến cá nhân về vấn đề được nêu ra.

- HS dựa vào phiếu chuẩn bị và đưa ra ý kiến thảo luận cho vấn đề: *Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*

- Thư kí cần ghi chép nội dung cuộc thảo luận.

- Các thành viên trong tổ lắng nghe và phản hồi, ghi chép lại ý kiến của bạn mình.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm thảo luận nhóm do thư kí ghi chép.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Vấn đề thảo luận:**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1: TRƯỚC KHI THẢO LUẬN | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phân chia nhóm và yêu cầu các nhóm:  - GV chia lớp thành 04 nhóm.  - Các nhóm ngồi theo vị trí, cử ra nhóm trưởng, thư kí và phân công công việc cho các thành viên (có biên bản ghi lại).  + Thống nhất mục đích thảo luận và thời gian thảo luận.  - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận: GV gợi dẫn HS đưa ra ý kiến cá nhân bằng cách hoàn thành Phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu chuẩn bị nội dung thảo luận: *Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*** | | | 1. Xác định bản chất của vấn đề thảo luận | .................... | | 2. Phương pháp để học tốt môn Ngữ văn. | ................... | | 3. Ý nghĩa của việc học tốt môn Ngữ văn | ................... | | 4. Phương hướng cho bản thân | ................... |   .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện yêu cầu của GV.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **\*Mục đích thảo luận:** Làm rõ cách tiếp cận hiệu quả với môn Ngữ văn, từ đó có tâm thế chủ động, tích cực và phương pháp học tập phù hợp để đạt mục tiêu một cách thuận lợi.  **\*Người nghe:** Người nghe là những người quan tâm đến vấn đề thảo luận, muốn tham gia và đóng góp ý kiến cho buổi thảo luận  \***Thời gian:**  + Mỗi thành viên suy nghĩ, chuẩn bị cho phần trình bày ý kiến riêng của mình trong thời gian tối đa 2 phút (dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học ở nhà).  + Nhóm trưởng điều hành thảo luận, trao đổi trong thời gian 10 phút.  + Thư kí ghi chép những ý kiến của các thành viên, thống nhất những hiểu biết toàn diện về vấn đề thảo luận.  **\*Chuẩn bị nội dung thảo luận:**  + Xác định được bản chất của vấn đề thảo luận là những cách thức, phương pháp học tập hiệu quả môn Ngữ văn.  + Xác định được các phương pháp chung và phương pháp đặc thù để học tốt môn Ngữ văn. |
| Bước 2: THỰC HÀNH THẢO LUẬN | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV yêu cầu HS tiến hành thảo luận theo các bước sau:   + Mở đầu: Người chủ trì nêu vấn đề thảo luận: *Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?*  + Triển khai: Các thành viên tham gia thảo luận phát biểu ý kiến.  GV lưu ý HS trong khi thảo luận cần chú ý các yêu cầu về người nói, người nghe trong SGK, tr. 109.   * Các thành viên lắng nghe, ghi chép ý kiến của bạn và có sự phản hồi theo mẫu:  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của bạn** | **Những điều tôi muốn trao đổi với bạn** | **Những điều bạn trao đổi lại với tôi** | | Ghi ngắn gọn ý kiến | Ghi ngắn gọn những ý định trao đổi bằng cách tự hỏi: *Điều gì tôi muốn bạn làm rõ hơn? Điều gì tôi không đồng ý với bạn?* | Ghi ngắn gọn các lí lẽ, dẫn chứng mà bạn phản hồi ý kiến của mình |   + Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên.  + Nhóm thống nhất các ý kiến đánh giá chung.  Thư kí đọc tóm tắt những ý kiến trong buổi thảo luận để nhóm đưa ra đánh giá cuối cùng về vấn đề thảo luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm tiến hành thảo luận và thống nhất ý kiến đánh giá chung về vấn đề thảo luận, hoàn thiện sản phẩm học tập ra giấy A0.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV thu sản phẩm thảo luận các nhóm, biên bản của thư kí các nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | Các nhóm tiến hành thảo luận:   * Mở đầu: Người chủ trì nêu vấn đề thảo luận:   Macxim Gorơki từng nói: “*Văn học là nhân học”.* Câu nói đã khẳng định ý nghĩa to lớn của văn học đối với đời sống con người. Do đó, môn học Ngữ văn trong nhà trường không chỉ là môn học công cụ mà đó còn là là một môn học mang tính thẩm mĩ – nhân vật, giúp trang bị cho mỗi chúng ta những năng lực cần thiết để làm hhành trang quan trọng trong bước đường trưởng thành. Vậy theo các bạn, làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?  - Triển khai: Các thành viên tham gia thảo luận phát biểu ý kiến:  + Phương pháp chung: Giống như các môn khác, để học tốt môn Văn, người học cũng cần có những PP học tập chung như: lập chiến lược học tập hiệu quả, luôn tập trung trong giờ học, hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở lớp và ở nhà, sắp xếp thời gian hợp lí cho môn học,...  + Phương pháp đặc thù của môn Ngữ văn: mở rộng tri thức văn học, phát triển tư duy ngôn ngữ và văn học bằng cách đọc nhiều tác phẩm văn học, các bài nghiên cứu, phê bình liên quan đến văn học; rèn luyện kĩ năng viết trên cơ sở nắm vững yêu cầu của kiểu bài; gia tăng trải nghiệm, mở rộng vốn sống để có thể lắng nghe và cảm nhận sâu hơn những tiếng nói văn chương,... |
| Bước 3: ĐÁNH GIÁ | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV gọi đại diện 01 nhóm lên trình bày sản phẩm học tập.  - HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  - Các nhóm tự đánh giá sản phẩm thảo luận của nhóm mình theo bảng kiểm (bên dưới).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | - Đánh giá nội dung đạt/ chưa đạt của buổi thảo luận.  - Rút ra kinh nghiệm khi thực hiện thảo luận một vấn đề |

**Bảng kiểm đánh giá buổi TL về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp lứa tuổi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đánh giá nội dung cuộc thảo luận** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| - Thảo luận đúng chủ đề |  |  |
| - Các ý kiến thảo luận tập trung, không tản mạn. |  |  |
| - Tìm ra được phương pháp, cách thức học tập môn Ngữ văn hiệu quả. |  |  |
| **Đánh giá cách tổ chức, điều hành cuộc thảo luận** |  |  |
| - Xây dựng được tinh thần dân chủ, tôn trọng ý kiến khác biệt. |  |  |
| - Những người tham gia thảo luận thực hiện đúng vai trò của mình. |  |  |
| - Thực hiện đúng tiến trình buổi thảo luận. |  |  |
| Đánh giá cách sử dụng ngôn ngữ, các phương tiện hỗ trợ khi thảo luận |  |  |
| - Sử dụng ngôn ngữ nói |  |  |
| - Sử dụng ngôn ngữ cơ thể |  |  |
| - Sử dụng các phương tiện hỗ trợ |  |  |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS chọn một đề tài khác về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi để xây dựng bài thảo luận.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS chọn đề tài khác và chuẩn bị bài thảo luận.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC Ở NHÀ

**1. GV hướng dẫn HS phần Củng cố, mở rộng bài học 4**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.

**b. Nội dung**: Vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm, phần tự tìm hiểu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh các bài tập SHS (tr 110):

- Bài tập 1, 3: Làm việc cá nhân

- Bài tập 2: Thảo luận theo cặp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS hoàn thành các bài tập theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**1.1. Bài tập 1 (SHS/ Tr 110):** GV hướng dẫn HS vẽ đồ tư duy thể hiện luận đề, hệ thống luận điểm và những lí lẽ bằng chứng tiêu biểu của mỗi luận điểm trong hai văn bản: *Người con gái Nam Xương – một bi kịch của con người* và *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi.*

**1.2. Bài tập 2 (SHS/ Tr 110):** Chỉ ra sự tương đồng và khác biệt trong cách đặt vấn đề và cách tổ chức luận điểm của hai văn bản *Người con gái Nam Xương – một bi kịch của con người* và *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi*. Từ đó em rút ra bài học gì khi thực hành viết bài văn nghị luận văn học.

**Gợi ý**

\*So sánh cách đặt vấn đề và cách tổ chức luận điểm của hai văn bản *Người con gái Nam Xương – một bi kịch của con người* (VB 1) và *Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi* (VB 2):

- **Sự tương đồng của hai VB**: VB 1 và VB 2 đều thuộc loại VB nghị luận văn học, do đó cách đặt vấn đề và tổ chức luận điểm đều đảm bảo những nguyên tắc chung của loại VB này. Trong cách đặt vấn đề, cả hai VB đều giới thiệu trực tiếp tác phẩm, tác giả và vấn đề cần bàn luận. Trong cách tổ chức luận điểm, cả hai VB đều tổ chức luận điểm để làm nổi bật các khía cạnh của luận đề.

**- Sự khác biệt của hai VB:**

+ Nếu VB 1 đặt ra và giải quyết một vấn đề thuộc VB *Người con gái Nam Xương* thì VB 2 lại sử dụng tác phẩm *Thằng quỷ nhỏ* như một nghiên cứu về một trường hợp tiêu biểu để từ đó đặt ra vấn đề rộng lớn hơn liên quan đến phẩm chất của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi. Nói cách khác, nếu VB 1 là bàn luận trong phạm vi một tác phẩm thì VB 2 hướng tới bàn luận những vấn đề rộng lớn hơn được gợi ra từ tác phẩm.

+ Nếu VB 1 chủ yếu dùng các tri thức văn học để làm sáng tỏ vấn đề thì VB 2 bên cạnh tri thức văn học (vẫn là vùng tri thức chủ yếu), còn sử dụng cả những tri thức về nhân học, văn hoá để giải quyết, bước đầu giúp HS ý thức được có thể sử dụng tri thức liên ngành trong nghiên cứu văn học.

+ Vì khác biệt trong cách đặt vấn đề nên cách tổ chức luận điểm của hai VB cũng khác biệt. VB 1 tổ chức luận điểm theo hướng bám sát diễn biến câu chuyện bi kịch của Vũ Nương với lô-gíc: nhận diện bi kịch - lí giải bi kịch - hoá giải bi kịch; VB 2 tổ chức luận điểm theo hướng quy nạp: từ phân tích, lí giải trường hợp tác phẩm *Thằng quỷ nhỏ*, tác giả nêu lên những suy ngẫm về phẩm chất của các tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi.

**\*Rút ra bài học gì khi thực hành viết bài văn nghị luận văn học:**

+ Cách đặt vấn đề nghị luận cần xuất phát từ mục đích của bài văn nghị luận.

+ Cách triển khai vấn đè nghị luận có thể có nhiều cách nhưng cần làm sáng tỏ vấn đề nghị luận đã đặt ra.

**1.3. Bài tập 3 (SHS/ Tr 110):** Viết đoạn văn (khoảng 8-10 câu) phân tích vẻ đẹp ngôn từ của một đoạn trích truyện thơ Nôm hoặc tác dụng của yếu tố kì ảo trong một truyện truyền kì, trong đó có sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

**\* Đoạn văn tham khảo:**

Làm nên thành công của truyện truyền kì Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ) không thể không kể đến vai trò của yếu tố kì ảo. Yếu tố kì ảo được thể hiện qua những chi tiết: Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa; Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi, được đãi tiệc yến và gặp Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ nước đưa về dương thế. Đặc biệt là hình ảnh Vũ Nương hiện về sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang: “...*Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện*”. Khi Trương Sinh vẫy gọi, Vũ Nương vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào rằng nàng sẽ ở lại cung của Linh Phi, chẳng thể trở về nhân gian; sau đó bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất. Các yếu tố kì ảo được sử dụng đan xen với yếu tố thực về địa danh (bến đò Hoàng Giang, ải Chi Lăng), thời điểm lịch sử (cuối đời Khai Đại nhà Hồ), sự kiện lịch sử (quân Minh xâm lược nước ta, nhiều người chạy trốn ra ngoài bể, rồi bị đắm thuyền). Các yếu tố kì ảo giúp tô đậm, làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp của nhân vật Vũ Nương: dù ở thế giới khác vẫn nặng tình với cuộc đời, khao khát được phục hồi danh dự, khát vọng được giải oan là nỗi niềm đau đáu trong lòng nàng. Các yếu tố kì ảo còn làm câu chuyện trở nên lung linh, kì ảo, hấp dẫn, lôi cuốn hơn; tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho tác phẩm, thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng trong cuộc đời: người tốt dù có trải qua bao oan khuất, dập vùi cuối cùng sẽ được minh oan. Tuy nhiên, kết thúc đó vẫn để lại sự xót xa, tiếc nuối vì tất cả chỉ là ảo ảnh mà thôi. Như vậy, các yếu tố kì ảo được sử dụng đan xen với yếu tố thực là phương tiện để nhà văn Nguyễn Dữ bộc lộ những quan niệm và thái độ của mình về những vấn đề nhân sinh.

**2. Hướng dẫn HS thực hành đọc: Văn bản *“Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”, một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường* (Nguyễn Khắc Phi)**

**a. Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học ở nhà.

**b.** **Nội dung**: GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trong SHS.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 01:**  **Khám phá đặc trưng của văn bản nghị luận văn học trong VB:**  ***“Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”, một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường* (Nguyễn Khắc Phi)** |
| **1. Luận đề**  .......................................................................................................... |
| **2. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Luận điểm | Lí lẽ | Bằng chứng | | Luận điểm 1 | ....... | ....... | | Luận điểm 2 | ....... | ....... | | .... | ....... | ....... | |
| **3. Ngôn ngữ nghị luận**  ........................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn HS đọc, khám phá chung về tác giả, văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản (tự đọc khoảng 2 lần)  - Ngoài các thông tin trong chú thích (SHS/ Tr 111 - 115), HS tự tìm hiểu thêm về tác giả Nguyễn Khắc Phi.  - Cho biết xuất xứ, thể loại và bố cục của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **I. Đọc – khám phá chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả Nguyễn Khắc Phi**  - Sinh năm 1934, quê ở Hà Tĩnh.  - Là nhà nghiên cứu, phê bình văn học  - Một số công trình tiêu biểu: *Thơ văn cổ Trung Hoa – mảnh đất quen mà lạ* (1999); *Mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc qua cái nhìn so sánh* (2001); *Văn học Việt Nam – Nghiên cứu và bình luận* (2018),...  **3. Văn bản *“Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”, một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường***  **a. Xuất xứ:** Trích trong “Nguyễn Khắc Phi tuyển tập, NXB Giáo dục, 2006.  **b. Thể loại:** Văn bản nghị luận văn học  **c. Bố cục:**  **- *Phần 1 (***từ đầu...*biểu hiện hoàn toàn khác*): Giới thiệu đề tài “tống biệt” trong thơ Lý Bạch và hoàn cảnh ra đời của bài thơ *“Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”.*  ***- Phần 2 (***tiếp....*song thực chất là tả tình*): Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của bài thơ*“Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”*  ***- Phần còn lại:*** Đánh giá về giá trị của bài thơ*“Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”.* |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS khám phá đặc trưng của văn bản nghị luận văn học thể hiện qua văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Để tìm hiểu VB, GV yêu cầu HS hoàn thành tự hoàn thành **Phiếu học tập số 01**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **II. Khám phá đặc trưng của văn bản nghị luận văn học thể hiện qua văn bản**  **1. Luận đề:** *Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* là một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường  **2. Hệ thống luận điểm và cách triển khai luận điểm**  **2.1. Luận điểm 1: Niềm lưu luyến và sự nao nức của người đưa tiễn trong 2 câu thơ đầu.**   * **Lí lẽ:**   + Lý Bạch kết giao và rất tôn kính, ngưỡng mộ Mạnh Hạo Nhiên.  + Mạnh Hạo Nhiên về Dương Châu, Lý Bạch bịn rịn và lưu luyến.+ Lý Bạch dùng ngôn từ bình dị và chuẩn xác để diễn tả tình cảm của người đưa tiễn.   * **Bằng chứng**: những từ ngữ trong bài thơ như: *cố nhân, tây, há* và sử dụng nhận định của một nhà nghiên cứu.   **2.2. Luận điểm 2: Linh hồn bài thơ là ở hai câu thơ cuối diễn tả tâm tình người ở lại.**   * **Lí lẽ:**   + Dùng cảnh biểu hiện tình bằng các thủ pháp so sánh, nhân hoá, đồng nhất tình và cảnh là thủ pháp thường được Lý Bạch và các nhà thơ cổ điển sử dụng.  + Trong bài thơ của Lý Bạch, tình đã hoà tan vào cảnh.  + Thực chất hai câu cuối là tả tình.   * **Bằng chứng:**   + Một số câu thơ trong những bài thơ thuộc đề tài tống biệt của Lý Bạch, Hứa Hồn.  + Những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ như: *chiếc thuyền, bóng (thuyền).*  **=> Nhận xét cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm:**  + Lí lẽ xác đáng, chặt chẽ.  + Bằng chứng phong phú, phù hợp với lí lẽ và làm sáng tỏ luận điểm.  **3. Ngôn ngữ nghị luận**  Ngôn ngữ của bài nghị luận vừa có tính khách quan vừa có tính biểu cảm, thuyết phục. |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS tự rút ra ngắn gọn những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *“Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”, một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Hệ thống luận điểm rõ ràng  - Lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục  - Sự kết hợp giữa bằng chứng khách quan và những đánh giá chủ quan của người viết.  **2. Nội dung**  - Phân tích, đánh giá những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “*Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng*” - một bài thơ tiễn biệt tiêu biểu trong thơ Đường.  - Thể hiện sự trân trọng của người viết đối với tình bạn giữa nhà thơ Lí Bạch và Mạnh Hạo Nhiên và giá trị của bài thơ “*Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng*”. |

**Ngày tháng năm 2024**

**BGH ký**